

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG I: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT	2
1.1 . Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu trong các doanh nghiệp sản xuất.....	2
1.1.1. <i>Khái niệm đặc điểm của nguyên vật liệu trong doanh nghiệp sản xuất</i> 2	
1.1.2. <i>Vai trò của nguyên vật liệu và yêu cầu quản lý nguyên vật liệu:</i>	2
1.2. Phân loại và đánh giá nguyên vật liệu:	4
1.2.1. <i>Phân loại nguyên vật liệu:</i>	4
1.2.1.1.Theo công dụng của nguyên vật liệu:.....	4
1.2.1.2.Theo quyền sở hữu:	6
1.2.1.3.Theo nguồn hình thành:	6
1.2.2. <i>Đánh giá nguyên vật liệu:</i>	6
1.2.2.1.Đánh giá vật liệu theo giá thực tế:.....	7
1.2.2.2. Đánh giá NVL theo giá hạch toán:	10
1.3. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu:	11
1.3.1. <i>Chứng từ hạch toán kế toán nguyên vật liệu:</i>	11
1.3.1.1. Tổ chức chứng từ kế toán nhập kho vật liệu và hạch toán ban đầu: 12	
1.3.1.2. Tổ chức chứng từ kế toán xuất kho vật liệu và hạch toán ban đầu: . 13	
1.3.2. <i>Phương pháp hạch toán chi tiết nguyên vật liệu:</i>	13
1.3.2.1.Hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song:13	
1.3.2.2.Hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển:.....	15
1.3.2.3. Hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ số dư:.....	16
1.4.Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu:.....	17
1.4.1. <i>Kế Toán tổng hợp NVL theo phương pháp kê khai thường xuyên.</i>	18
1.4.1.1.Tài khoản sử dụng:	18
1.4.1.2. Phương pháp kế toán.	19
1.4.2. <i>Kế toán tổng hợp Nguyên vật liệu theo pp kiểm kê định kỳ:</i>	27
1.4.2.1. Tài khoản sử dụng:	27
1.4.2.2.Phương pháp kế toán một số nghiệp vụ chủ yếu.	27
1.5. Hạch toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho:	30
1.5.1. <i>Khái niệm:</i>	30

1.5.2.Điều kiện áp dụng:	30
1.5.3.Phương pháp xác định mức dự phòng và hạch toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho:	30
CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG HẠCH TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH HẢI LONG	31
2.1.Tổng quan về công ty TNHH Hải Long:	31
2.1.1.Khái quát chung về công ty TNHH Hải Long:	31
2.1.2.Những thuận lợi và khó khăn của công ty trong quá trình hoạt động ...	32
2.1.2.1.Thuận lợi:.....	32
2.1.2.2.Khó khăn:.....	33
2.1.3.Những thành tích cơ bản mà công ty đạt được trong những năm qua: ..	33
2.1.4.Đặc điểm cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của công ty TNHH Hải Long:	35
2.1.5. Đặc điểm mô hình tổ chức bộ máy kế toán và hình thức tổ chức hệ thống sổ kế toán áp dụng tại công ty TNHH Hải Long:	36
2.1.5.1.Mô hình tổ chức bộ máy kế toán tại công ty TNHH Hải Long:.....	37
2.1.5.2.Hình thức tổ chức hệ thống sổ kế toán áp dụng tại công ty TNHH Hải Long:	38
2.2.Thực trạng hạch toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH Hải Long:	40
2.2.1.Đặc điểm nguyên vật liệu và quản lý nguyên vật liệu tại công ty:	40
2.2.2. Phân loại và tính giá nguyên vật liệu:	41
2.2.2.1.Phân loại nguyên vật liệu:	41
2.2.2.2.Tính giá nguyên vật liệu:	41
2.3. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu:	54
2.4. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu:	63
2.4.1.Tài khoản sử dụng :	63
2.4.2.Sổ sách sử dụng :	63
2.5.Hạch toán nghiệp vụ kiểm kê nguyên vật liệu:.....	70
CHƯƠNG III: MỘT SỐ NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH HẢI LONG	72
3.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác quản lý sử dụng và công tác kế toán nguyên vật liệu tại doanh nghiệp:	72
3.2. Nhận xét và đánh giá khái quát công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Hải Long:	73
3.2.1.Uỷ điểm:	74
3.2.2.Nhược điểm:.....	76

3.3. Một số biện pháp góp phần hoàn thiện công tác quản lý, sử dụng kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Hải Long:.....	78
3.3.1. Hoàn thiện công tác luân chuyển chứng từ:.....	78
3.3.2. Khâu thu mua, quản lý và sử dụng nguyên vật liệu:	79
3.3.3. Hoàn thiện công tác hạch toán phế liệu thu hồi:	81
3.3.4. Hoàn thiện việc lập danh điểm vật tư:.....	81
3.3.5. Sớm xây dựng hệ thống định mức nguyên vật liệu, xác định mức dự trữ tối thiểu và tối đa cho từng loại nguyên vật liệu:	83
3.3.6. Về lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong doanh nghiệp:.....	84
3.3.7. Công tác kiểm kê nguyên vật liệu:	86
3.3.8. Áp dụng công nghệ thông tin vào tổ chức công tác kế toán nói chung và kế toán nguyên vật liệu nói riêng:	86
KẾT LUẬN	88
TÀI LIỆU THAM KHẢO	89

LỜI MỞ ĐẦU

Cùng với xu hướng phát triển của thế giới, trong những năm vừa qua kinh tế Việt Nam có nhiều chuyển biến khởi sắc. Trong điều kiện kinh tế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, các doanh nghiệp được phép hoạt động kinh doanh, cạnh tranh lành mạnh trong khuôn khổ pháp luật. Để có thể khẳng định chỗ đứng của mình thì bất kể doanh nghiệp nào cũng cần phải có những chính sách, đường lối cũng như các công cụ quản lý đặc lược. Sự hỗ trợ của công tác hạch toán kế toán trong doanh nghiệp là hết sức cần thiết, là công cụ có vai trò quan trọng trong sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp.

Là một trong những yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất, nguyên vật liệu là tư liệu lao động chủ yếu cấu thành nên thực thể sản phẩm, đồng thời còn ảnh hưởng trực tiếp đến giá thành và chất lượng sản phẩm. Thực hiện tốt công tác kế toán, đặc biệt là công tác kế toán nguyên vật liệu sẽ hạn chế được những thất thoát lãng phí và là cơ sở để giảm chi phí, tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp, đảm bảo cho sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp trong hiện tại và tương lai.

Xuất phát từ tầm quan trọng của kế toán nguyên vật liệu trong các doanh nghiệp sản xuất, trên cơ sở đã được học ở nhà trường và thời gian thực tập tại Công ty TNHH Hải Long, em đã đi sâu tìm hiểu về phần hành kế toán nguyên vật liệu và chọn đề tài ***“Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Hải Long”*** làm khóa luận tốt nghiệp của mình.

Ngoài lời mở đầu và kết luận, khóa luận của em gồm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp sản xuất.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Hải Long.

Chương 3: Một số nhận xét và kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Hải Long.

Do thời gian và trình độ có hạn nên khóa luận của em không tránh khỏi thiếu sót. Em rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các thầy cô để bài viết của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG I:
NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ NGUYÊN VẬT LIỆU
TRONG DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT

1.1 . Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu trong các doanh nghiệp sản xuất

1.1.1. Khái niệm đặc điểm của nguyên vật liệu trong doanh nghiệp sản xuất

a. Khái niệm:

Nguyên vật liệu là những đối tượng lao động mua ngoài hoặc tự chế biến cần thiết trong quá trình hoạt động sản xuất của doanh nghiệp và được thể hiện dưới dạng vật hoá như: sắt, thép trong doanh nghiệp cơ khí chế tạo, sợi trong doanh nghiệp dệt, da trong doanh nghiệp đóng giày, vải trong doanh nghiệp may mặc,...Nguyên vật liệu chỉ tham gia vào một chu kỳ sản xuất kinh doanh nhất định và toàn bộ giá trị được chuyển hết một lần vào chi phí kinh doanh trong kỳ.

b. Đặc điểm:

Nguyên vật liệu chỉ tham gia vào một chu kỳ sản xuất nhất định và khi tham gia vào quá trình sản xuất, dưới tác động của lao động, chúng bị tiêu hao toàn bộ hoặc thay đổi hình thái vật chất ban đầu để tạo ra hình thái vật chất của sản phẩm.

Về mặt giá trị, do chỉ tham gia vào một chu kỳ sản xuất nên giá trị của vật liệu sẽ được tính hết một lần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ. Do đặc điểm này mà nguyên vật liệu được xếp vào loại tài sản lưu động trong doanh nghiệp.

1.1.2. Vai trò của nguyên vật liệu và yêu cầu quản lý nguyên vật liệu:

a. Vai trò:

Trong các doanh nghiệp sản xuất, nguyên vật liệu thường chiếm một tỉ trọng lớn trong chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm cho nên việc quản lý quá trình thu mua, vận chuyển, bảo quản dự trữ và sử dụng nguyên vật liệu có ý nghĩa rất lớn trong việc tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm sản xuất...

Các doanh nghiệp phải thường xuyên theo dõi tình hình biến động của nguyên vật liệu để từ đó có kế hoạch bổ sung, dự trữ kịp thời cho kịp quá trình sản xuất, chế tạo sản phẩm cũng như các nhu cầu khác của doanh nghiệp. Nguồn nguyên vật liệu dự trữ cho sản xuất đòi hỏi phải đảm bảo đủ về số lượng, đúng về chất lượng, quy cách, chủng loại, đáp ứng kịp thời cho quá trình sản xuất được liên tục và ngăn ngừa các hiện tượng hao hụt, mất mát, lãng phí vật liệu ở tất cả các khâu của quá

trình sản xuất. Qua đó, giảm được mức tiêu hao vật liệu, giảm chi phí nguyên vật liệu thì sản phẩm sản xuất ra không những có chất lượng cao mà giá thành hạ sẽ nâng cao hiệu quả kinh doanh.

b. Yêu cầu quản lý nguyên vật liệu:

Trong nền kinh tế thị trường, kinh doanh có lãi là mục tiêu mà các doanh nghiệp đều hướng tới. Nguyên vật liệu là một yếu tố không thể thiếu của quá trình sản xuất kinh doanh ở các doanh nghiệp. Giá trị nguyên vật liệu thường chiếm một tỉ lệ lớn trong tổng chi phí sản xuất. Vì vậy, quản lý tốt khâu thu mua, dự trữ và sử dụng nguyên vật liệu là điều kiện cần thiết để đảm bảo chất lượng sản phẩm, tiết kiệm chi phí, giảm giá thành, tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp.

Nguyên vật liệu là tài sản dự trữ cho sản xuất thường xuyên biến động. Do vậy, các doanh nghiệp phải giám sát chặt chẽ quá trình thu mua, dự trữ và sử dụng nguyên vật liệu một cách hiệu quả. ở khâu thu mua đòi hỏi phải quản lý về khối lượng, chất lượng quy cách, chủng loại, giá mua và chi phí mua cũng như việc thực hiện kế hoạch mua theo đúng tiến độ thời gian, phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Việc tổ chức tốt kho tàng, bến bãi, trang bị đầy đủ các phương tiện cân đo, thực hiện đúng chế độ bảo quản đối với từng loại vật liệu, tránh hư hỏng, mất mát, hao hụt; đảm bảo an toàn là một trong các yêu cầu quản lý với vật liệu.

Trong khâu sử dụng, đòi hỏi phải thực hiện sử dụng hợp lý, tiết kiệm trên cơ sở các định mức, dự toán chi phí nhằm hạ thấp chi phí vật liệu trong giá thành sản phẩm. ở khâu dự trữ, doanh nghiệp phải xác định được định mức dự trữ tối đa, tối thiểu cho từng loại vật liệu để đảm bảo cho quá trình sản xuất kinh doanh được bình thường không ngưng trệ, gián đoạn do việc cung ứng nguyên vật liệu hoặc gây ra tình trạng ứ đọng vốn do dự trữ quá nhiều.

Để thuận tiện cho công tác quản lý nguyên vật liệu thì trước hết các doanh nghiệp phải xây dựng được hệ thống danh điếm và đánh mã số cho nguyên vật liệu. Hệ thống này phải rõ ràng, chính xác tương ứng với quy cách, chủng loại của nguyên vật liệu.

1.2. Phân loại và đánh giá nguyên vật liệu:

1.2.1. Phân loại nguyên vật liệu:

Trong các doanh nghiệp sản xuất, nguyên vật liệu gồm nhiều loại, rất phong phú, đa dạng có tính năng lý, hoá khác nhau, có công dụng và mục đích sử dụng khác nhau, đồng thời chúng cũng được bảo quản ở nhiều kho bãi và được sử dụng ở các bộ phận khác nhau. Do vậy, yêu cầu đặt ra với người quản lý là phải nắm bắt được tình hình biến động từng loại nguyên vật liệu trong đơn vị. Muốn vậy, người quản lý cần phải tiến hành phân loại nguyên vật liệu. Phân loại nguyên vật liệu là sắp xếp nguyên vật liệu theo từng loại, từng nhóm theo một tiêu thức nhất định. Tùy theo loại hình sản xuất của từng ngành, nội dung kinh tế và vai trò công dụng của nguyên vật liệu trong kế hoạch sản xuất kinh doanh mà nguyên vật liệu được phân chia khác nhau.

1.2.1.1. Theo công dụng của nguyên vật liệu:

Trong thực tế công tác quản lý và hạch toán ở các doanh nghiệp, tiêu thức dùng để phân loại nguyên vật liệu thông dụng nhất là theo công dụng của nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất kinh doanh. Theo tiêu thức này, nguyên vật liệu ở các doanh nghiệp được phân ra các loại sau đây:

- **Nguyên vật liệu chính** (bao gồm cả bán thành phẩm mua ngoài): là các loại nguyên vật liệu khi tham gia vào quá trình sản xuất sẽ là thành phần chủ yếu cấu thành thực thể vật chất của sản phẩm như gạo, Malt trong doanh nghiệp sản xuất bia, cây con, con giống trong doanh nghiệp trồng trọt và chăn nuôi...
- **Bán thành phẩm mua ngoài** là những chi tiết, bộ phận sản phẩm do đơn vị khác sản xuất ra doanh nghiệp mua về để lắp ráp hoặc gia công tạo ra sản phẩm. Ví dụ doanh nghiệp sản xuất xe đạp mua săm, lốp, xích... lắp ráp thành xe đạp.
- **Vật liệu phụ**: là những thứ vật liệu khi tham gia vào sản xuất không cấu thành nên thực thể chính của sản phẩm mà có tác dụng phụ như làm tăng chất lượng sản phẩm, tăng giá trị sử dụng của sản phẩm, ví dụ: thuốc nhuộm, tẩy trong doanh nghiệp dệt, sơn trong doanh nghiệp sản xuất xe đạp, vecni trong doanh nghiệp sản xuất đồ gỗ; thuốc trừ sâu, thuốc thú y, chất kích thích sự tăng trưởng trong doanh nghiệp trồng trọt và chăn nuôi hoặc để đảm bảo cho điều kiện lao động được tiến

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

hành bình thường như: xà phòng, giẻ lau hoặc dùng để bảo quản tư liệu lao động: giẻ lau, dầu mỡ, thuốc chống ẩm, ri...

□ **Nhiên liệu:** là những thứ vật liệu có tác dụng cung cấp nhiệt năng trong quá trình sản xuất kinh doanh. Về thực chất nhiên liệu tham gia vào sản xuất cũng chỉ được coi là loại vật liệu phụ nhưng do tính chất lý hoá và tác dụng của nó nên cần quản lý và hạch toán riêng. Nhiên liệu có thể tồn tại ở thể rắn như than, củi, thể lỏng như xăng dầu, ở thể khí như hơi đốt...

□ **Phụ tùng thay thế:** là những chi tiết, phụ tùng, máy móc mà doanh nghiệp mua về phục vụ cho việc thay thế các bộ phận của phương tiện vận tải, máy móc thiết bị như vòng bi, vòng đệm, xăm lốp...

□ **Thiết bị XDCB và vật kết cấu:** cả hai loại thiết bị này đều là cơ sở chủ yếu hình thành nên sản phẩm xây lắp nhưng chúng khác với vật liệu xây dựng nên được xếp vào loại riêng.

- Thiết bị XDCB: là những thiết bị, được sử dụng cho công việc XDCB (bao gồm cả thiết bị cần lắp và không cần lắp) như thiết bị vệ sinh, thiết bị thông gió, thiết bị truyền hơi ẩm, hệ thống thu lôi...

- Vật kết cấu: là những bộ phận của sản phẩm xây dựng tự sản xuất hoặc mua của doanh nghiệp khác để lắp vào công trình xây dựng như vật kết cấu bê tông đúc sẵn, vật kết cấu bằng kim loại đúc sẵn...

□ **Vật liệu khác:** bao gồm các loại vật liệu như vật liệu đặc chủng, các loại vật liệu loại ra trong quá trình sản xuất chế tạo sản phẩm, vật liệu thu nhặt được, phế liệu thu hồi trong quá trình thanh lý TSCĐ.

Việc phân loại như trên có ưu điểm là giúp người quản lý thấy rõ vai trò và tác dụng của từng loại vật liệu trong quá trình sản xuất kinh doanh. Qua đó đề ra quyết định để quản lý và hạch toán từng loại nhằm nâng cao hiệu quả huy động và sử dụng Nguyên vật liệu. Tuy nhiên cũng còn nhược điểm: nhiều khi khó phân loại rõ ràng bởi có những lúc Nguyên vật liệu chính lại được thực hiện như một Nguyên vật liệu phụ.

1.2.1.2.Theo quyền sở hữu:

- Nguyên vật liệu tự có: bao gồm tất cả các nguyên vật liệu thuộc sở hữu của doanh nghiệp
- Vật liệu nhận gia công, chế biến hay giữ hộ.

Cách phân loại này giúp doanh nghiệp có thể theo dõi, nắm bắt tình hình hiện có của nguyên vật liệu để từ đó lên kế hoạch thu mua, dự trữ nguyên vật liệu phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

1.2.1.3.Theo nguồn hình thành:

- Vật liệu mua ngoài: là những vật liệu sử dụng cho sản xuất kinh doanh mà doanh nghiệp mua ngoài thị trường.
- Vật liệu tự sản xuất: là những vật liệu do doanh nghiệp tự chế biến hoặc thuê ngoài chế biến.
- Vật liệu nhận góp vốn liên doanh, liên kết hoặc được biếu tặng, cấp phát.

Cách phân loại này tạo tiền đề cho quản lý và sử dụng riêng từng loại nguyên vật liệu, từng nguồn nhập khác nhau. Trên cơ sở đó đánh giá được hiệu quả sử dụng vật liệu đồng thời giúp tính giá nguyên vật liệu được chính xác.

1.2.2.Đánh giá nguyên vật liệu:

Đánh giá nguyên liệu , vật liệu là dùng thước đo tiền tệ để biểu hiện giá trị của hiện vật theo những nguyên tắc nhất định, đảm bảo yêu cầu chân thực và chính xác.Có như vậy mới đảm bảo quản lý chặt chẽ và có hiệu quả .

Với nguyên tắc vật liệu là tài sản lưu động phải đánh giá giá trị thực của nó . Tức là giá trị phản ánh trên sổ sách kế toán và các báo cáo kế toán tổng hợp phải nêu giá trị thực tế. Song do vật liệu có nhiều biến động trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh và yêu cầu của công tác kế toán vật liệu phải phản ánh kịp thời hàng ngày tình hình biến động và số hiện có của vật liệu nên trong công tác kế toán vật liệu còn có thể được định giá theo giá hạch toán nhưng cuối tháng phải được tổng hợp và ghi sổ kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo giá thực tế.

1.2.2.1.Đánh giá vật liệu theo giá thực tế:

a. Tính giá nhập

❖ Đối với vật liệu mua ngoài là : giá thực tế là giá mua ghi trên hoá đơn các loại thuế không được hoàn lại cộng với các chi phí thu mua thực tế. Chi phí thu mua thực tế bao gồm : chi phí vận chuyển bốc xếp, phân loại bảo quản ,....., vật liệu từ nơi mua đến kho của doanh nghiệp, công tác phí của cán bộ thu mua chi phí của bộ phận thu mua độc lập và số hao hụt tự nhiên trong định mức (nếu có).Các khoản chiết khấu thương mại giảm giá hàng mua được trừ khỏi giá mua.

- Trường hợp doanh nghiệp thu mua vật liệu dùng vào sản xuất kinh doanh chịu thuế GTGT và tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thì giá trị của vật liệu mua vào phản ánh theo giá chưa có thuế . Thuế GTGT của hàng hoá mua vào, thuế GTGT của dịch vụ vận chuyển bốc xếp , bảo quản, chi phí gia công.....được khấu trừ và hạch toán vào tài khoản 133 “Thuế GTGT được khấu trừ”(TK133)

- Trường hợp doanh nghiệp mua vật liệu dùng sản xuất kinh doanh hàng hoá, dịch vụ tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp hoặc không thuộc đối tượng nộp thuế GTGT hoặc dùng cho hoạt động sự nghiệp, phúc lợi, dự án thì giá trị vật liệu mua vào được phản ánh theo tổng giá thanh toán bao gồm cả thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ (nếu có).

- Đối với vật liệu mua ngoài bằng ngoại tệ thì phải được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Chi phí thu mua cũng được xác định trên cơ sở phương pháp tính thuế GTGT mà doanh nghiệp lựa chọn.

+ Đối với nguyên vật liệu do doanh nghiệp tự gia công, chế biến: giá vốn thực tế của nguyên vật liệu nhập kho là giá thực tế của nguyên vật liệu xuất gia công chế biến cộng với chi phí gia công chế biến.

+ Đối với nguyên vật liệu thuê ngoài gia công chế biến: giá vốn thực tế của nguyên vật liệu nhập kho là giá thực tế của nguyên vật liệu xuất thuê ngoài gia công chế biến cộng với các chi phí vận chuyển, bốc dỡ đến nơi nhận thuê gia công và từ nơi

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

đó về doanh nghiệp cộng với chi phí phải trả cho người nhận gia công. Riêng chi phí phải trả cho người nhận gia công được xác định như sau:

- ✓ Nguyên vật liệu gia công chế biến thuộc diện chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế thì chi phí gia công không bao gồm thuế GTGT đầu vào.
- ✓ Nguyên vật liệu gia công chế biến thuộc diện chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì chi phí gia công là tổng số tiền phải thanh toán cho bên nhận gia công chế biến (bao gồm cả thuế GTGT đầu vào).
- ❖ Đối với nguyên vật liệu nhận từ đơn vị khác góp vốn liên doanh, góp cổ phần: giá thực tế là giá do các bên tham gia góp vốn đánh giá.

b. Tính giá xuất:

- Trong tình hình đổi mới hiện nay việc đánh giá vật liệu theo giá thực tế là vô cùng quan trọng. Đó chính là cơ sở số liệu để phản ánh một giá trị thực của tài sản dự trữ sau khi đã trừ khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho (cho các loại vật liệu ở thời điểm lập bảng cân đối kế toán).

- Để tính toán phân bổ chính xác chi phí thực tế về vật liệu đã tiêu hao trong quá trình sản xuất kinh doanh trong trường hợp kế toán doanh nghiệp chỉ sử dụng giá trị thực tế của vật liệu, kế toán sử dụng một trong các phương pháp sau để tính giá trị thực tế của vật liệu xuất kho.

+ *Phương pháp xác định đơn giá bình quân gia quyền:* Theo phương pháp này, giá trị thực tế của vật liệu xuất kho trong kỳ được tính theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Giá thực tế} \\ \text{nguyên vật liệu} \\ \text{xuất kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số lượng} \\ \text{nguyên vật liệu} \\ \text{xuất kho} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Đơn giá bình quân} \\ \text{nguyên vật liệu} \\ \text{xuất kho} \end{array}$$

Trong đó đơn giá bình quân nguyên vật liệu xuất kho được xác định :

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá bình quân} \\ \text{NVL xuất kho} \end{array} = \frac{\text{Trị giá thực tế tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá thực tế nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng nhập trong kỳ}}$$

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Khi tính giá đơn vị bình quân có thể sử dụng dưới dạng sau :

✓ Giá bình quân cả kỳ dự trữ : Giá này được xác định sau khi kết thúc kỳ hạch toán nên có thể ảnh hưởng đến công tác quyết toán nhưng cách tính thì đơn giản ít tốn kém.

✓ Giá đơn vị bình quân cuối kỳ trước: Trị giá thực tế nguyên vật liệu xuất kho trong kỳ này sẽ được tính theo đơn giá bình quân cuối kỳ trước. Phương pháp này đơn giản, dễ làm, đảm bảo tính kịp thời của số liệu kế toán, nhưng mức độ chính xác không cao vì không tính đến sự biến động của giá cả kỳ này.

✓ Giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập : Giá này được xác định ngay sau mỗi lần nhập nguyên vật liệu....Phương pháp này vừa đảm bảo tính kịp thời của số liệu kế toán , vừa phản ánh được tính biến động của giá cả. Tuy nhiên khối lượng công việc quá lớn , tốn nhiều công sức.

+ *Phương pháp xác định theo giá trị tồn đầu kỳ trên cơ sở giá mua thực tế cuối kỳ* . Theo phương pháp này trị giá thực tế xuất kho được xác định:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Trị giá thực tế} & & \text{Trị giá thực tế} & & \text{Trị giá thực tế} & & \text{Trị giá thực tế} \\ \text{NVL} & = & \text{NVL} & + & \text{NVL} & - & \text{NVL} \\ \text{Xuất kho} & & \text{tồn đầu kỳ} & & \text{nhập trong kỳ} & & \text{tồn kho cuối kỳ} \end{array}$$

Trong đó , giá trị thực tế nguyên vật liệu tồn kho cuối kỳ được tính:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Trị giá thực tế} & & \text{Số lượng} & & \text{Trị giá thực tế} \\ \text{NVL} & = & \text{NVL} & \times & \text{NVL} \\ \text{tồn kho cuối kỳ} & & \text{tồn kho cuối kỳ} & & \text{nhập kho lúc cuối kỳ} \end{array}$$

Phương pháp này đơn giản nhanh chóng nhưng mức độ chính xác không cao, không phản ánh được sự biến động của giá cả.

+ *Phương pháp nhập trước xuất trước (phương pháp FIFO)*: Phương pháp này phù hợp với doanh nghiệp có ít danh điểm vật tư, số lần nhập xuất ít, thường áp dụng trong trường hợp giảm phát. Theo phương pháp này ta phải xác định được đơn giá thực tế nhập kho từng lần nhập và giả thiết hàng nào nhập kho trước thì xuất trước và hàng tồn kho còn lại cuối kì là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất gần thời điểm cuối kì. Sau đó căn cứ vào số lượng xuất ra tính ra giá thực tế xuất

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

kho theo nguyên tắc tính theo giá thực tế nhập trước đối với lượng xuất kho thuộc lần trước. Số còn lại (Tổng số xuất kho - số lượng thuộc lần nhập trước) được tính theo đơn giá thực tế các lần nhập sau.

Ưu điểm: đảm bảo tính chính xác, hợp lí, được tiến hành thường xuyên.

Nhược điểm: đòi hỏi phải tính theo từng danh điểm vật tư nên tốn nhiều công sức.

+ *Phương pháp tính theo đơn giá nhập sau xuất trước (phương pháp LIFO)*: Phương pháp này phù hợp với doanh nghiệp có ít danh điểm vật tư, số lần nhập xuất ít, thường áp dụng trong trường hợp lạm phát. Theo phương pháp này, ta cũng phải xác định được đơn giá thực tế của từng lần nhập, giả thiết hàng nào nhập sau thì xuất trước và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trước đó. Khi xuất kho sẽ căn cứ vào số lượng xuất và đơn giá thực tế tồn kho lần cuối. Giá thực tế của vật liệu tồn kho cuối kỳ chính lại là giá thực tế vật liệu tính theo đơn giá của lần nhập đầu kỳ.

Ưu điểm: đảm bảo tính chính xác, hợp lí, được tiến hành thường xuyên.

Nhược điểm: đòi hỏi phải tính theo từng danh điểm vật tư nên tốn nhiều công sức.

+ *Phương pháp giá thực tế đích danh*: Phương pháp này được sử dụng đối với các loại hàng có giá trị cao và có tính tách biệt, có điều kiện bảo quản riêng từng lô hàng nhập kho. Theo phương pháp này, hàng được xác định giá trị theo chiếc hay từng lô và được giữ nguyên giá từ lúc nhập vào đến lúc xuất ra, khi xuất hàng nào sẽ xác định giá trị thực tế của hàng đó.

Ưu điểm: đảm bảo tính chính xác, hợp lý cao, theo dõi được thời gian bảo quản vật tư.

Nhược điểm: đòi hỏi công tác bảo quản vật tư phải tiến hành tỉ mỉ, không được để lẫn từng lô hàng.

1.2.2.2. Đánh giá NVL theo giá hạch toán:

Đối với doanh nghiệp có chủng loại vật tư lớn, giá cả biến động nhiều, việc nhập - xuất vật liệu diễn ra thường xuyên hàng ngày thì việc hạch toán theo giá thực tế trở nên phức tạp, tốn nhiều công sức và có khi không thể thực hiện được. Do đó việc hạch toán chi tiết hàng ngày của kế toán vật liệu nên sử dụng giá hạch toán.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Giá hạch toán vật liệu là giá quy định thống nhất trong phạm vi doanh nghiệp và được sử dụng ổn định trong một thời gian dài. Giá hạch toán của vật liệu có thể là giá mua vào của vật liệu đã được xây dựng. Hàng ngày, kế toán phản ánh tình hình nhập - xuất vật liệu theo giá hạch toán. Cuối kỳ hạch toán, kế toán tổng hợp giá thực tế của vật liệu luân chuyển trong kỳ và tính đổi giá hạch toán vật liệu về giá thực tế. Việc tính đổi này được thực hiện dựa trên cơ sở hệ số giá vật liệu.

Hệ số giá nguyên vật liệu là hệ số chênh lệch giữa giá thực tế của vật liệu so với giá hạch toán của vật liệu. Hệ số giá vật liệu được xác định:

$$\text{Hệ số giá} = \frac{\text{Giá thực tế NVL tồn kho trong kỳ} + \text{Giá thực tế NVL nhập kho trong kỳ}}{\text{Giá hạch toán NVL tồn kho đầu kỳ} + \text{Giá hạch toán NVL nhập kho trong kỳ}}$$

$$\begin{array}{ccc} \text{Giá thực tế} & & \text{Giá hạch toán} \\ \text{NVL} & = & \text{NVL} \quad \times \quad \text{Hệ số giá của NVL} \\ \text{xuất kho trong kỳ} & & \text{xuất kho trong kỳ} \end{array}$$

Việc hạch toán theo hai quá trình: hạch toán và thực tế đảm bảo tính kịp thời của công tác kế toán, từ đó tăng cường công tác quản lý vật liệu, dụng cụ. Mặt khác, việc hạch toán theo 2 đơn giá giảm bớt khối lượng tính toán cho kế toán vật liệu.

1.3. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu:

1.3.1. Chứng từ hạch toán kế toán nguyên vật liệu:

- Mọi hiện tượng kinh tế xảy ra trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp liên quan đến việc nhập - xuất vật liệu, đều phải được lập chứng từ kế toán một cách kịp thời, đầy đủ, chính xác theo đúng chế độ quy định ghi chép ban đầu về vật tư. Mỗi bản chứng từ cần chứa đựng tất cả các chỉ tiêu đặc trưng cho nghiệp vụ, về thời gian và địa điểm xảy ra nghiệp vụ cũng như người chịu trách nhiệm về nghiệp vụ và người lập bản chứng từ.

- Hệ thống chứng từ kế toán phản ánh kịp thời, đầy đủ, chính xác tình hình nhập xuất là cơ sở để tiến hành ghi chép trên thẻ kho và trên sổ kế toán. Để kiểm tra, giám sát tình hình biến động về số lượng của từng thứ vật liệu. Thực hiện

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

quản lý vật liệu có hiệu quả , phục vụ nhu cầu về vật liệu, phục vụ đầy đủ nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Chứng từ kế toán nhập - xuất vật liệu thường bao gồm :

- + Hoá đơn GTGT
- + Phiếu nhập kho . Mẫu số 01-VT
- + Phiếu xuất kho . Mẫu số 02- VT
- + Biên bản kiểm nghiệm vật tư . Mẫu Số 03-VT
- + Phiếu báo vật tư còn lại cuối kỳ . Mẫu số 04-VT
- + Biên bản kiểm kê vật tư . Mẫu số 05- VT
- + Bảng kê mua hàng . Mẫu số 06-VT
- + Bảng phân bổ nguyên vật liệu. Mẫu số 07-VT

Việc lập các chứng từ kế toán về nhập - xuất vật liệu phải được thực hiện đúng các quy định về biểu mẫu, phương pháp ghi chép trách nhiệm ghi chép số liệu cần thiết , phải tuân theo trình tự luân chuyển chứng từ .

1.3.1.1. Tổ chức chứng từ kế toán nhập kho vật liệu và hạch toán ban đầu:

- Sử dụng phiếu nhập kho dựa trên mẫu số 01-VT của Bộ Tài chính phát hành, áp dụng trong các trường hợp nhập kho vật tư mua ngoài, tự sản xuất, thuê ngoài gia công chế biến, nhận góp cổ phần, nhận liên doanh hoặc vật tư phát hiện thừa trong kiểm kê. Khi lập phải ghi rõ số phiếu nhập, ngày, tháng, năm nhập, họ tên người nhập vật tư, sản phẩm hàng hoá, số hoá đơn.

- Quy trình luân chuyển phiếu nhập kho:

Bước 1: Người giao hàng (có thể là nhân viên phụ trách thu mua, nhân viên sản xuất của DN hoặc người bán) đề nghị giao hàng nhập kho.

Bước 2: Ban kiểm nhận lập biên bản nhận cho nhập kho vật tư, hàng hóa, sản phẩm. Ban kiểm nhận bao gồm thủ kho, kế toán vật tư, cán bộ phụ trách bộ phận, người đề nghị giao hàng.

Bước 3: Kế toán vật tư hoặc phụ trách bộ phận sẽ tiến hành lập Phiếu nhập kho theo hóa đơn mua hàng, phiếu giao nhận sản phẩm...với ban kiểm nhận.

Bước 4: Người lập phiếu, người giao hàng và phụ trách bộ phận ký vào Phiếu nhập kho.

Bước 5: Chuyển Phiếu nhập kho cho thủ kho tiến hành việc kiểm nhận, nhập hàng, ghi sổ và ký Phiếu nhập kho.

Bước 6: Chuyển Phiếu nhập kho cho kế toán vật tư để ghi sổ kế toán.

Bước 7: Kế toán vật tư tổ chức bảo quản và lưu trữ phiếu nhập.

1.3.1.2. Tổ chức chứng từ kế toán xuất kho vật liệu và hạch toán ban đầu:

- Sử dụng phiếu xuất kho dựa trên mẫu số 02-VT của Bộ Tài chính phát hành.

Khi xuất kho, phải căn cứ vào các nguyên nhân xuất thông qua các chứng từ nguồn bao gồm: Lệnh xuất kho, phiếu xin lĩnh vật tư, hóa đơn bán hàng..

- Quy trình luân chuyển Phiếu xuất kho:

Bước 1: Người có nhu cầu về vật tư, sản phẩm, hàng hóa lập giấy xin xuất hoặc ra lệnh xuất đối với vật tư, sản phẩm, hàng hóa.

Bước 2: Chuyển cho chủ doanh nghiệp (Giám đốc) hoặc phụ trách đơn vị duyệt lệnh xuất.

Bước 3: Phụ trách bộ phận hoặc kế toán vật tư căn cứ vào đề nghị xuất hoặc lệnh xuất tiến hành lập Phiếu xuất kho.

Bước 4: Chuyển Phiếu xuất kho cho thủ kho tiến hành xuất vật tư, sản phẩm, hàng hóa; sau đó, ký vào Phiếu xuất kho rồi giao chứng từ lại cho kế toán vật tư.

Bước 5: Khi nhận Phiếu xuất kho, chuyển cho Kế toán trưởng ký duyệt chứng từ rồi ghi sổ kế toán.

Bước 6: Trình Phiếu xuất kho cho thủ trưởng (Giám đốc) ký duyệt chứng từ, thường là trình ký theo định kỳ, vì chứng từ đã được duyệt xuất ngay từ đầu, nên thủ trưởng chỉ kiểm tra lại và ký duyệt.

Bước 7: Kế toán vật tư sẽ tiến hành bảo quản và lưu giữ chứng từ.

1.3.2. Phương pháp hạch toán chi tiết nguyên vật liệu:

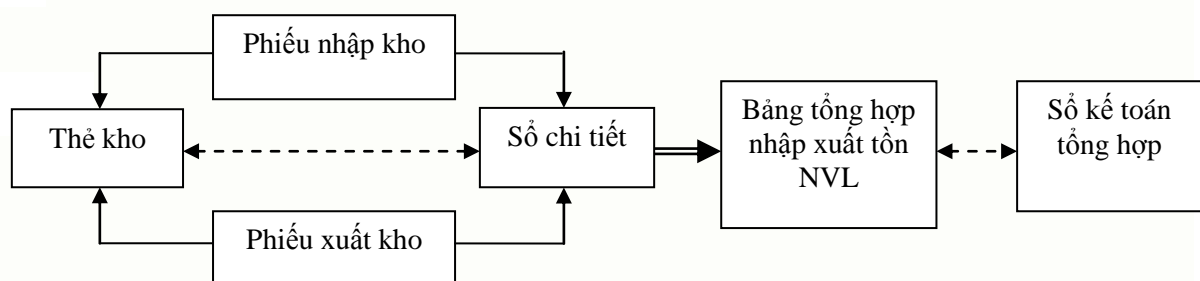
1.3.2.1. Hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song:

- ❖ Tại kho: Phản ánh tình hình hiện có, biến động tăng, giảm nguyên vật liệu về mặt lượng.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Hằng ngày, căn cứ vào các chứng từ nhập xuất vật tư (PNK, P XK) thủ kho thực hiện việc nhập – xuất kho và ghi số lượng vật tư thực nhập, thực xuất vào PNK, P XK và thẻ kho.
- Mỗi chứng từ được ghi vào một dòng trên thẻ kho. Thẻ kho được mở theo từng danh điểm vật tư.
- Hằng ngày hoặc định kỳ thủ kho phải tập hợp chứng từ nhập xuất vật tư và giao cho kế toán.
- Cuối tháng, thủ kho phải tiến hành cộng tổng số lượng vật tư nhập – xuất trong tháng, từ đó tính ra lượng vật tư tồn cuối tháng theo từng danh điểm vật tư.
 - ❖ Tại phòng kế toán: phản ánh tình hình hiện có, biến động tăng, giảm nguyên vật liệu cả về mặt lượng và giá trị.
- Kế toán vật tư mở thẻ (sổ) kế toán chi tiết vật tư theo từng danh điểm vật tư tương ứng đã ghi ở thẻ kho.
- Hằng ngày hoặc định kỳ, khi nhận được các chứng từ nhập – xuất vật tư do thủ kho chuyển tới, kế toán vật tư phải kiểm tra, ghi đơn giá và tính ra thành tiền cho từng chứng từ nhập – xuất vật tư. Sau đó lần lượt ghi các nghiệp vụ nhập – xuất vật tư vào thẻ (sổ) kế toán chi tiết vật tư theo từng danh điểm vật tư.

❖ Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song



Ghi chú:

- Ghi hằng ngày (định kỳ)
- ←-----→ Quan hệ đối chiếu, kiểm tra
- ====> Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Ưu điểm: Phương pháp này đơn giản trong khâu ghi chép, dễ kiểm tra đối chiếu, dễ phát hiện sai sót đồng thời cung cấp thông tin nhập, xuất và tồn kho của từng danh điểm vật tư một cách chính xác, nhanh chóng.

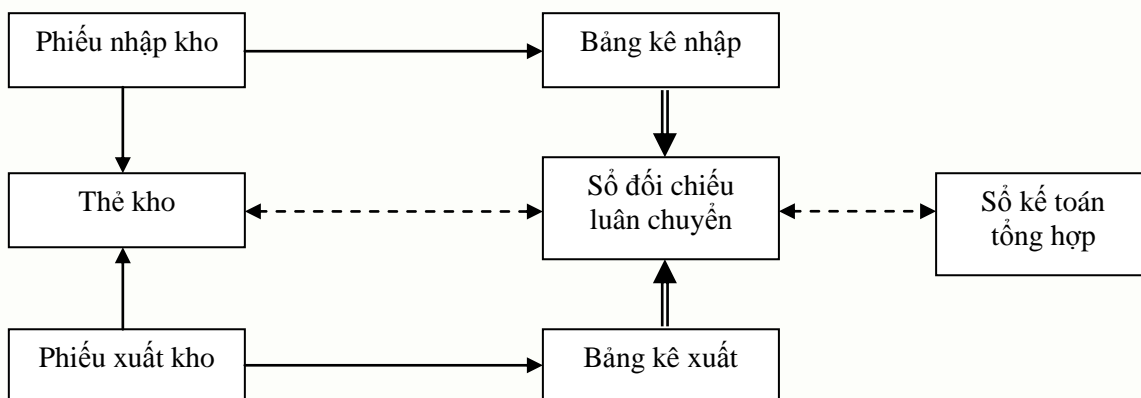
Nhược điểm: Ghi chép trùng lặp giữa thủ kho và kế toán ở chỉ tiêu số lượng, làm tăng khối lượng công việc của kế toán, tốn nhiều công sức và thời gian.

Điều kiện vận dụng: Thích hợp với các doanh nghiệp thực hiện công tác kế toán máy và các doanh nghiệp thực hiện kế toán bằng tay trong điều kiện doanh nghiệp có ít danh điểm vật tư, trình độ chuyên môn của cán bộ kế toán còn hạn chế.

1.3.2.2. Hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển:

- ❖ Tại kho: Tương tự phương pháp thẻ song song
- ❖ Tại phòng kế toán:
 - Kế toán vật tư mở sổ “đối chiếu luân chuyển” để phản ánh tình hình nhập – xuất – tồn kho vật tư cả về mặt số lượng và giá trị. Sổ này được ghi mỗi tháng một lần vào ngày cuối tháng trên cơ sở các bảng kê nhập, bảng kê xuất vật tư.
 - Mỗi danh điểm vật tư được ghi vào một dòng trên sổ đối chiếu luân chuyển.
 - Cuối tháng, tiến hành đối chiếu số liệu giữa sổ đối chiếu luân chuyển với thẻ kho về mặt số lượng.

❖ **Sơ đồ 1.2:** Sơ đồ hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển



Ghi chú:

- Ghi hằng ngày (định kỳ)
- ←-----> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra
- =====> Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ

Ưu điểm: Tiết kiệm công tác lập sổ kế toán so với phương pháp thẻ song song, giảm nhẹ khối lượng ghi chép của kế toán, tránh việc ghi chép trùng lặp.

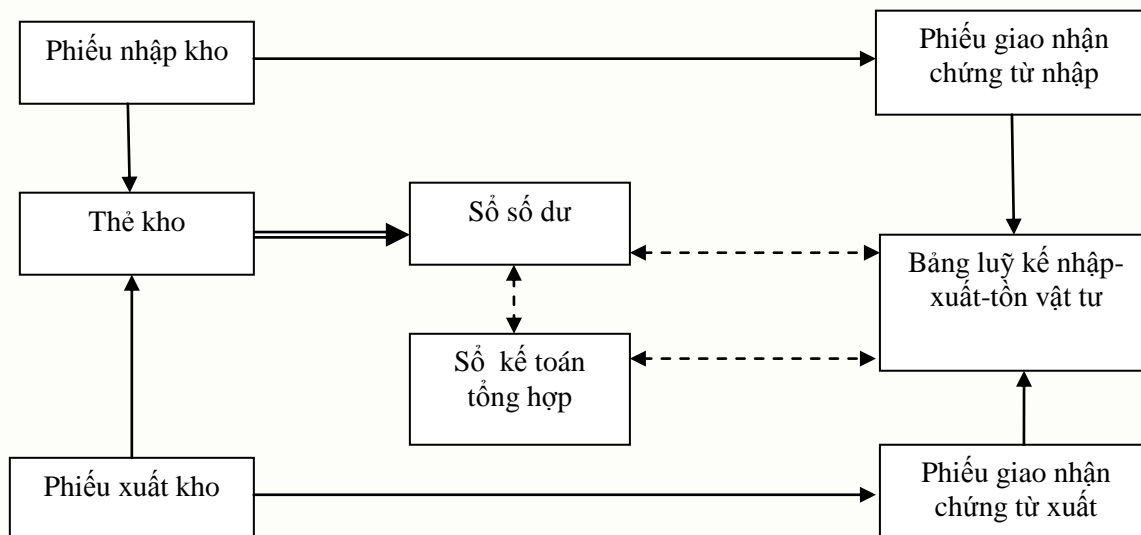
Nhược điểm: Khó kiểm tra, đối chiếu, khó phát hiện sai sót và dồn công việc vào cuối kỳ nên hạn chế chức năng kiểm tra thường xuyên, liên tục, hơn nữa làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện các khâu kế toán khác.

Điều kiện vận dụng: Phương pháp này thích hợp với những doanh nghiệp có nhiều danh điểm vật tư nhưng số lượng chứng từ nhập xuất không nhiều, không có điều kiện bố trí riêng từng nhân viên kế toán chi tiết vật liệu để theo dõi tình hình nhập xuất hàng ngày.

1.3.2.3. Hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ số dư:

- ❖ Tại kho: ngoài các công việc như phương pháp thẻ song song, thủ kho còn phải làm các công việc sau:
 - Định kỳ, sau khi ghi thẻ kho, thủ kho phải lập phiếu giao nhận chứng từ theo từng danh điểm vật tư hoặc từng nhóm vật tư và nộp cho kế toán kèm theo các chứng từ nhập – xuất vật tư.
 - Cuối tháng, căn cứ vào thẻ kho, thủ kho ghi số lượng vật tư tồn kho theo từng danh điểm vật tư vào sổ số dư. Mỗi danh điểm vật tư được ghi vào một dòng trên sổ số dư. Sổ này được kế toán mở cho từng kho và dùng cho cả năm, trước ngày cuối tháng kế toán giao cho thủ kho để ghi sổ. Ghi xong phải gửi về phòng kế toán để kiểm tra và tính ra thành tiền.
- ❖ Tại phòng kế toán:
 - Định kỳ, nhân viên kế toán phải xuống kho để kiểm tra việc ghi chép vào thẻ kho của thủ kho và ký xác nhận số lượng tồn tại từng thời điểm trên thẻ kho.
 - Định kỳ, sau khi nhận được các chứng từ nhập – xuất vật tư do thủ kho chuyển đến, tính ra thành tiền trên từng chứng từ và ghi vào phiếu giao nhận chứng từ tương ứng.
 - Cuối tháng, cộng tổng số tiền trên các phiếu giao nhận chứng từ để ghi vào một dòng trên bảng lũy kế nhập – xuất – tồn vật tư. Sau đó cộng tổng số tiền nhập – xuất trên bảng lũy kế để tính ra số dư cuối tháng của từng danh điểm vật tư. Số dư này được dùng để đối chiếu với số dư trên sổ số dư.

❖ **Sơ đồ 1.3:** Sơ đồ hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ số dư



Ghi chú:

- Ghi hằng ngày (định kỳ)
- ←-----→ Quan hệ đối chiếu, kiểm tra
- =====> Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ

Ưu điểm: Phương pháp này tránh được việc ghi chép trùng lặp và dàn đều công việc ghi sổ trong kỳ nên không bị dồn công việc vào cuối kỳ.

Nhược điểm: Sử dụng phương pháp này sẽ gặp nhiều khó khăn trong việc kiểm tra, đối chiếu và phát hiện sai sót.

Điều kiện vận dụng: Thích hợp với những doanh nghiệp có nhiều danh điểm vật tư và số lần nhập xuất của mỗi loại nhiều, đồng thời nhân viên kế toán và thủ kho của doanh nghiệp phải có trình độ chuyên môn cao.

1.4.Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu:

Nguyên vật liệu là tài sản lưu động , thuộc nhóm hàng tồn kho của doanh nghiệp,việc mở tài khoản tổng hợp,ghi chép sổ kế toán và xác định giá trị hàng tồn kho, giá trị hàng bán ra hoặc xuất dùng vào doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên hay kiểm kê định kỳ. Phương pháp kê khai thường xuyên hàng tồn kho là phương pháp ghi chép, phản ánh thường xuyên, liên tục tình hình nhập-xuất-tồn kho các loại vật liệu,thành phẩm, ... trên các tài khoản và sổ kế toán tổng hợp khi có các chứng từ nhập-xuất hàng tồn kho. Như vậy, việc xác định giá trị vật liệu xuất dùng được căn cứ vào các chứng từ xuất kho

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

sau khi đã tập hợp, phân loại theo các đối tượng sử dụng để ghi vào các tài khoản và sổ kế toán.

Phương pháp kiểm kê định kỳ hàng tồn kho là phương pháp không theo dõi thường xuyên liên tục tình hình nhập-xuất hàng tồn kho trên các tài khoản hành tồn kho mà chỉ theo dõi, phản ánh giá trị hàng tồn kho đầu kỳ và cuối tháng căn cứ vào số liệu kiểm kê định kỳ hàng tồn kho. Việc xác định giá trị vật liệu xuất dùng trên tài khoản kế toán tổng hợp không căn cứ vào chứng từ xuất kho mà lại căn cứ vào giá trị thực tế vật liệu tồn kho đầu kỳ, nhập trong kỳ và kết quả kiểm kê cuối kỳ để tính. Chính vì vậy, trên tài khoản tổng hợp không thể hiện rõ giá trị vật liệu xuất dùng cho từng đối tượng có nhu cầu khác nhau. Phương pháp này được áp dụng trong những doanh nghiệp sản xuất có quy mô nhỏ.

1.4.1. Kế Toán tổng hợp NVL theo phương pháp kê khai thường xuyên.

1.4.1.1. Tài khoản sử dụng:

TK 152- Nguyên liệu, vật liệu (NVL).

TK152

Số dư: XX

+Giá gốc của nguyên vật liệu nhập kho mua ngoài, tự gia công chế biến, nhận góp vốn liên doanh hoặc từ các nguồn khác.

+ Giá gốc của nguyên vật liệu thừa phát hiện khi kiểm kê.

+ Kết chuyển giá trị nguyên liệu, vật liệu tồn kho cuối kỳ (doanh nghiệp thực hiện kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ).

Dư : Giá trị nguyên vật liệu tồn kho cuối kỳ.

+ Giá trị nguyên vật liệu xuất kho để sử dụng cho sản xuất kinh doanh, thuê ngoài gia công , góp vốn liên doanh hoặc nhượng bán.

+ Giá trị nguyên vật liệu thiếu hụt phát hiện khi kiểm kê.

+ Kết chuyển giá trị của nguyên liệu, vật liệu tồn kho đầu kỳ (doanh nghiệp thực hiện kế toán tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ)

TK 152 được mở thành các tài khoản cấp 2, tài khoản cấp 3 ...để kế toán chi tiết theo từng loại vật liệu tùy thuộc vào yêu cầu quản lý của doanh nghiệp.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

TK 1521: Nguyên liệu vật liệu chính.

TK1522: Nguyên liệu vật liệu phụ.

TK1523: Nhiên liệu.

TK1524: Phụ tùng thay thế .

.....

TK158: Vật liệu khác.

TK 151 - Hàng mua đang đi đường : Tài khoản này dùng để phản ánh các loại vật tư, hàng hoá mà doanh nghiệp đã mua, chấp nhận thanh toán với người bán nhưng chưa về nhập kho của doanh nghiệp, còn đang trên đường vận chuyển , ở bến bãi hoặc đã về đến doanh nghiệp nhưng chưa làm thủ tục nhập kho(chờ kiểm kê).

Kết cấu của TK 151- Hàng mua đang đi đường

TK151	
Dư: XX	
+ Trị giá của vật tư đang đi trên đường.	+Giá trị vật tư, hàng hoá đang đi đường đã nhập kho hoặc chuyển giao cho các đối tượng sử dụng hay khách hàng.
+ Kết chuyển trị giá thực tế hàng đang đi đường lúc cuối kỳ (theo phương pháp kiểm kê định kỳ)	+ Kết chuyển trị giá thực tế hàng đang đi đường lúc đầu kỳ (theo phương pháp kiểm kê định kỳ).
Dư cuối :	
Giá trị hàng đang đi đường lúc đầu kỳ (theo phương pháp kiểm kê định kỳ).	

1.4.1.2. Phương pháp kế toán.

* **Kế toán tăng:**

a) Tăng do mua

➤ Nếu là mua hàng trong nước

Khi mua nguyên liệu vật liệu về nhập kho căn cứ vào hoá đơn, phiếu nhập kho: (hàng và hoá đơn cùng về)

+ Đối với nguyên liệu, vật liệu chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ ghi:

Nợ TK 152: Nguyên liệu, vật liệu (Giá mua chưa có thuế GTGT)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Nợ TK 133: Thuế GIGT được khấu trừ (TK1331)

Có các TK 111, 112, 141, 331...(Tổng giá thanh toán)

+ Đối với vật liệu dùng vào sản xuất kinh doanh chịu thuế GTGT và tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp hoặc không thuộc diện chịu thuế GTGT hoặc các hoạt động phúc lợi, dự án, ghi:

Nợ TK 152: Nguyên liệu, vật liệu

Có TK 111, 112, 141, 331.....(Tổng giá thanh toán).

□ Nếu hàng mua thanh toán tiền sớm thì được hưởng chiết khấu thanh toán (chiết khấu thanh toán là số tiền người bán thưởng cho người mua) tính vào doanh thu hoạt động tài chính .

Nợ TK 331: Phải trả người bán

Nợ TK 111, 112: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Nợ TK 1388: mới thoả thuận chưa thanh toán

Có TK 515: doanh thu hoạt động tài chính.

□ Trường hợp hàng mua về nhưng chưa có hoá đơn, kế toán lưu phiếu nhập kho vào tệp hồ sơ “hàng chưa có hoá đơn”. Nếu trong tháng hoá đơn về thì ghi số bình thường. Nếu cuối tháng hoá đơn vẫn chưa về, kế toán sẽ ghi giá trị vật liệu, nhập kho theo giá tạm tính:

Nợ TK 152 - ghi theo giá tạm tính

Có TK 331- Phải trả người bán.

Khi nhận hoá đơn, tiến hành điều chỉnh giá tạm tính theo giá ghi trên hoá đơn.

+ Nếu giá ghi trên hoá đơn lớn hơn giá tạm tính : kế toán ghi bổ sung:

Nợ TK 152: Phần chênh lệch thiếu

Nợ TK 133: VAT đầu vào theo hoá đơn

Có TK 331

+ Nếu giá ghi trên hoá đơn nhỏ hơn giá tạm tính:

Nợ TK 152: Ghi âm số chênh lệch thừa

Nợ TK 133: VAT đầu vào theo hoá đơn

Có TK 331

□ Trường hợp doanh nghiệp đã nhận được hoá đơn mua hàng nhưng nguyên

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

liệu, vật liệu còn đang đi đường thì kế toán lưu đơn vào một tập hồ sơ riêng “ Hàng mua đang đi đường ” khi về kho sẽ ghi sổ:

+ Nếu hàng về nhập kho ngay trong tháng:

Nợ TK 152

Nợ TK 133

Có TK 111,112,331,141.....

+ Nếu cuối tháng hàng vẫn chưa về nhập kho :

Nợ TK 151

Nợ TK 133

Có TK 111,112,331,141....

+ Sang tháng hàng về nhập kho :

Nợ TK152

Có TK151

Các chi phí thu mua bốc xếp , vận chuyển, nguyên vật liệu từ nơi mua đến doanh nghiệp, trường hợp nguyên liệu , vật liệu dùng vào sản xuất kinh doanh chịu thuế GTGT và tính theo phương pháp khấu trừ ghi:

Nợ TK152: Nguyên liệu, vật liệu.

Có TK 133:

Có TK 111,112,141,331....

□ Nguyên liệu, vật liệu mua về không đúng chất lượng, qui cách phẩm chất theo hợp đồng đã ký kết phải trả lại cho người bán hoặc người bán giảm giá khi xuất kho trả lại hoặc giảm giá, ghi:

Nợ TK331, 111, 112, 1388: (Tổng giá thanh toán)

Có TK152: Nguyên liệu vật liệu.

Có TK 133: Thuế GTGT được khấu trừ .

b) Tăng do phát hiện thừa: Nếu thừa so với hoá đơn. Có 2 cách ghi :

+ **Cách 1:** ghi theo số thực nhập.

Nợ TK152: hàng kiểm thực tế chưa có VAT

Nợ TK 133: VAT đầu vào theo hoá đơn

Có TK331: Tổng số tiền thanh toán.

Có TK 3381: số hàng thừa chưa có VAT

Xử lý giá trị thừa :

- Nếu trả lại số thừa cho người bán:
 Nợ TK 3381: Tài sản thừa chờ giải quyết.
 Có TK 152: Nguyên vật liệu thừa
- Nếu mua lại số hàng thừa viết hoá đơn:
 Nợ TK 3381:
 Nợ TK133
 Có TK111,112,331,141....
- Nếu thừa không rõ nguyên nhân, ghi tăng thu nhập:
 Nợ TK 3381:
 Có TK 711
 + **Cách 2:** Số tiền thừa giữ hộ người bán ghi theo số hoá đơn
 Nợ TK 152
 Nợ TK133.
 Có TK 111,112,141,331....

Đồng thời kế toán ghi Nợ TK 002 số hàng thừa.

Xử lý giá trị thừa :

- Nếu trả lại cho người bán: ghi có TK 002 số hàng thừa
- Nếu mua lại số thừa:
 Nợ TK 152
 Nợ TK 133
 Có TK 331, 111, 112
 Đồng thời ghi có TK 002
- Nếu thừa không rõ nguyên nhân:
 Nợ TK 152
 Có TK 711
 Đồng thời ghi có TK 002

c) Nguyên liệu, vật liệu, nhập kho do thuê ngoài gia công chế biến:

+ Khi xuất nguyên liệu, vật liệu đưa đi gia công chế biến ghi :

 Nợ TK 154 - Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.

 Có TK 152: nguyên vật liệu

+ Khi phát sinh chi phí thuê ngoài gia công chế biến ghi :

Nợ TK 154: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.

Nợ TK 133: Thuế GTGT được khấu trừ.

Có TK 111,112,331,141.....

- Khi nhập kho số nguyên liệu thuê ngoài gia công chế biến xong :

Nợ TK 152: Nguyên vật liệu

Có TK 154 : Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.

□ Nguyên liệu, vật liệu nhập kho tự chế:

- Khi xuất kho vật liệu tự chế :

Nợ TK 154: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.

Có TK152: Nguyên vật liệu

- Chi phí gia công thực tế phát sinh:

Nợ TK 154

Có TK 111, 112, 334...

- Khi nhập kho nguyên liệu, vật liệu đã tự chế ghi:

Nợ TK 152 : Nguyên vật liệu

Có TK154: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.

d) Tăng do nhận vốn góp .

- Nhận vốn góp :

Nợ TK152:

Có TK 411: Nguồn vốn kinh doanh.

- Nhận lại vốn góp:

Nợ TK 152: Nguyên vật liệu

Có TK 128: Đầu tư khác .

Có TK 221, 222, 223, 228

e) Tăng do đánh giá lại tài sản :

Nợ TK152: Nguyên vật liệu.

Có TK412 : Chênh lệch đánh giá lại tài sản.

f) Do được tặng :

Nợ TK 152: Nguyên vật liệu.

Có TK 711: Thu nhập khác (chi tiết theo hoạt động).

g) Tặng do mua hàng nhập khẩu.

- Nếu thanh toán ngay bằng tiền:

Nợ TK 152: Giá nhập khẩu theo tỉ giá giao dịch

Nợ (Có) TK 635 (515): Lỗ hoặc lãi tỉ giá

Có TK 1112, 1122: Giá mua theo tỉ giá xuất ngoại tệ.

- Nếu chưa thanh toán:

Nợ TK 152: Giá nhập khẩu theo tỉ giá giao dịch

Có TK 331: Giá phải trả theo tỉ giá giao dịch.

+ Phản ánh thuế nhập khẩu phải nộp tính vào giá thực tế nguyên vật liệu:

Nợ TK 152

Có TK 3333

+ Phản ánh thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có): giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt bằng giá tính thuế nhập khẩu + thuế nhập khẩu

Nợ TK 152

Có TK 333

+ Phản ánh thuế GTGT: Giá tính thuế GTGT = giá tính thuế nhập khẩu + thuế nhập khẩu + thuế tiêu thụ đặc biệt

Nợ TK 133

Có TK 3331

Trong các hình thức kế toán, kế toán tổng hợp nhập vật liệu thực hiện trên nhiều sổ sách kế toán liên quan tùy vào hình thức kế toán mà doanh nghiệp áp dụng.

***Kế toán giảm:**

Nguyên vật liệu trong các doanh nghiệp sản xuất giảm chủ yếu do xuất dùng cho xuất dùng nhu cầu sản xuất sản phẩm, phục vụ quản lý sản xuất trong phạm vi các bộ phận sản xuất quản lý doanh nghiệp Kế toán phải phản ánh kịp thời tình hình xuất vật liệu, tính chính xác giá thực tế xuất dùng theo phương pháp tính đã đăng ký và tính phân bổ đúng đắn vào đúng đối tượng.

a) Căn cứ vào thực tế xuất kho :

+ Căn cứ vào thực tế xuất kho:

Nợ TK 621: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

Nợ TK 622: Chi phí nhân công trực tiếp.

Nợ TK 627: Chi phí sản xuất chung.

Nợ TK 641: dùng cho phục vụ bán hàng.

Nợ TK 642: dùng quản lý doanh nghiệp.

Nợ TK 241 : dùng cho sửa chữa lớn TSCĐ, cho XDCB

Có TK152: Nếu là nguyên liệu, vật liệu(chi tiết các TK).

b) Xuất kho cho gia công chế biến :

Nợ TK 154:(chi tiết tự gia công hoặc thuê ngoài).

Có TK 152

c) Góp vốn liên doanh.

Nợ TK 128 : Đầu tư khác.

Nợ TK222: Góp vốn liên doanh.

Có TK152

d) Cho vay tạm thời không tính lãi

Nợ TK 1388, 1368: (Tạm thời)

Có TK 152 : giá thực tế.

e) Xuất bán :

Nợ TK 632: giá vốn hàng bán

Có TK 152

f) Kiểm kê: Căn cứ vào biên bản kiểm kê phát hiện thiếu

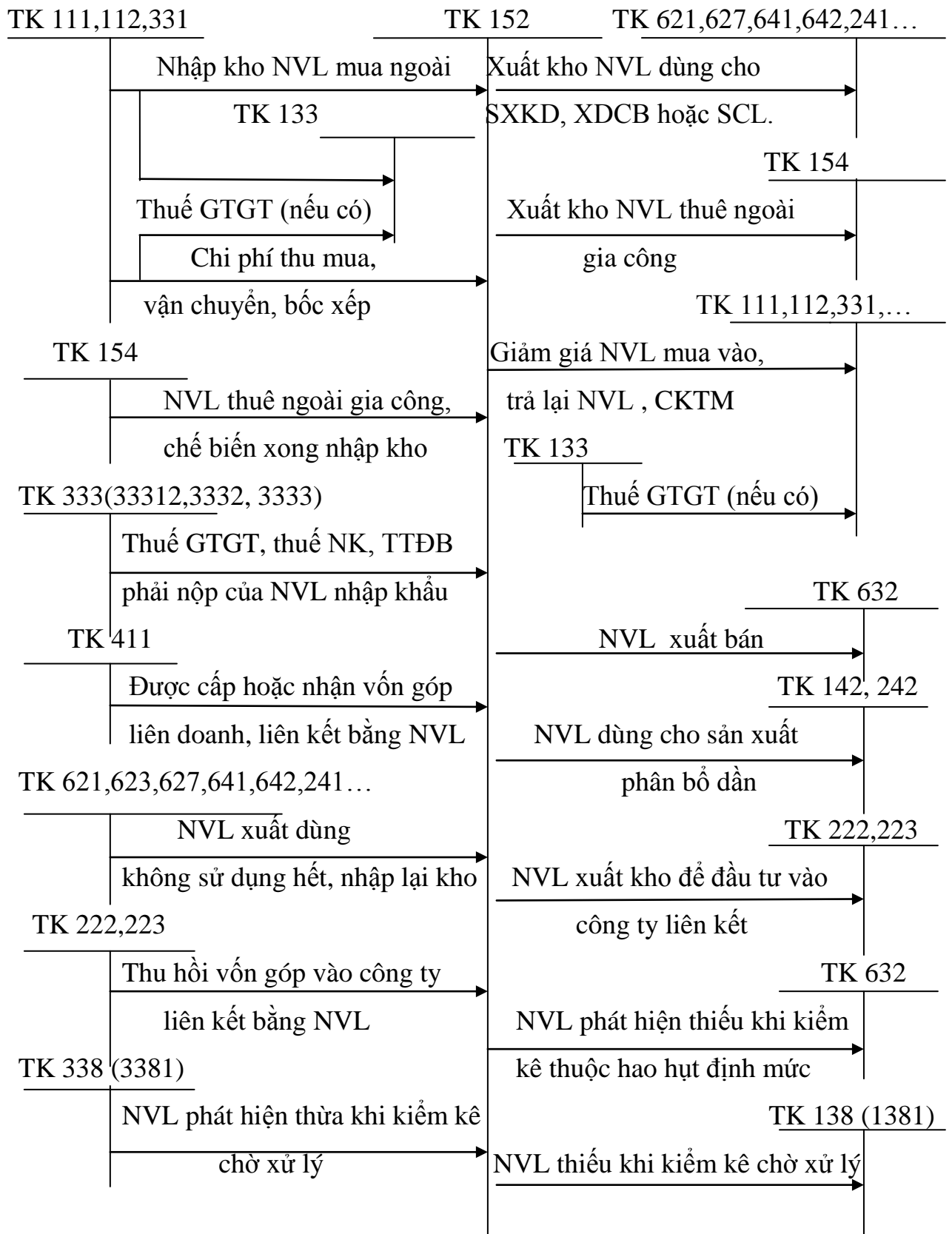
Nợ TK1381: Tài sản thiếu ngoài định mức chờ xử lý

Nợ TK1388, 111, 334: Phần thiếu quy ngay được trách nhiệm

Nợ TK 632: Tài sản thiếu trong định mức

CóTK 152

Sơ đồ 1.4: Sơ đồ thể hiện theo phương pháp kê khai thường xuyên:



1.4.2. Kế toán tổng hợp Nguyên vật liệu theo pp kiểm kê định kỳ:

1.4.2.1. Tài khoản sử dụng:

Đối với các doanh nghiệp sản xuất áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ cho việc hạch toán hàng tồn kho thì TK 152(151) dùng để kết chuyển giá trị thực tế của vật liệu và hàng mua đang đi đường lúc đầu kỳ và cuối kỳ vào TK 611- Mua hàng.

TK 611 dùng để phản ánh giá trị thực tế của số vật tư, hàng hoá mua vào xuất dùng trong kỳ. Kết cấu của TK611:

TK611- Mua hàng	
-Kết chuyển trị giá thực tế hàng hoá, vật tư tồn đầu kỳ.	- Trị giá thực tế vật tư, hàng hoá kiểm kê lúc cuối kỳ.
- Giá trị thực tế, vật tư hàng hoá nhập trong kỳ	- Trị giá vật tư, hàng hoá xuất trong kỳ. - Trị giá thực tế hàng hoá vật tư đã gửi bán nhưng chưa xác định là tiêu thụ. - Chiết khấu hàng mua, giảm giá , hàng trả lại.

Tài khoản này không có số dư .

Ngoài ra, kế toán cũng sử dụng các tài khoản có liên quan khác như phương pháp kê khai thường xuyên.

1.4.2.2. Phương pháp kế toán một số nghiệp vụ chủ yếu.

a/ Kết chuyển trị giá thực tế NLVL tồn kho đầu kỳ ,

Nợ TK 611(6111).

Có TK152,151.

b/ Trong kỳ nhập kho .

Nợ TK 611(6111)

Có TK111,112,141,331.....

- Chiết khấu hàng mua được hưởng :

Nợ TK 331:

Có TK611.

- Giảm giá hàng mua, hàng bị trả lại:

Nợ TK111,112,331.

Có TK611.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

c/ Cuối kỳ căn cứ vào kết quả kiểm kê vật liệu, kế toán xác định giá trị thực tế xuất dùng trong kỳ như sau:

Trị giá thực tế x xuất dùng	=	Trị giá thực tế VL tồn đầu kỳ	+	Trị giá thực tế NVL nhập trong kỳ	-	Trị giá thực tế NLVL tồn kho cuối kỳ.
--------------------------------	---	-------------------------------------	---	---	---	---

Để xác định được giá trị thực tế của số liệu xuất dùng cho từng đối tượng, từng nhu cầu sản xuất sản phẩm, mất mát, hao hụtkế toán phải kết hợp với số liệu hạch toán chi tiết mới có thể xác định được do kế toán tổng hợp không theo dõi ghi tình hình xuất dùng liên tục trên cơ sở các chứng từ xuất.

Các nghiệp vụ lúc cuối kỳ được ghi sổ như sau:

- Kết chuyển giá trị thực tế vật liệu, tồn kho :

Nợ TK 152.

Có TK 611.

- Trị giá thực tế vật liệu, dụng cụ xuất trong kỳ:

Nợ TK 631(xuất cho sản xuất kinh doanh).

Nợ TK 632(xuất bán).

Có TK611- Mua hàng.

- Trị giá thực tế vật liệu thiếu hụt, mất mát: căn cứ vào biên bản quyết định xử lý:

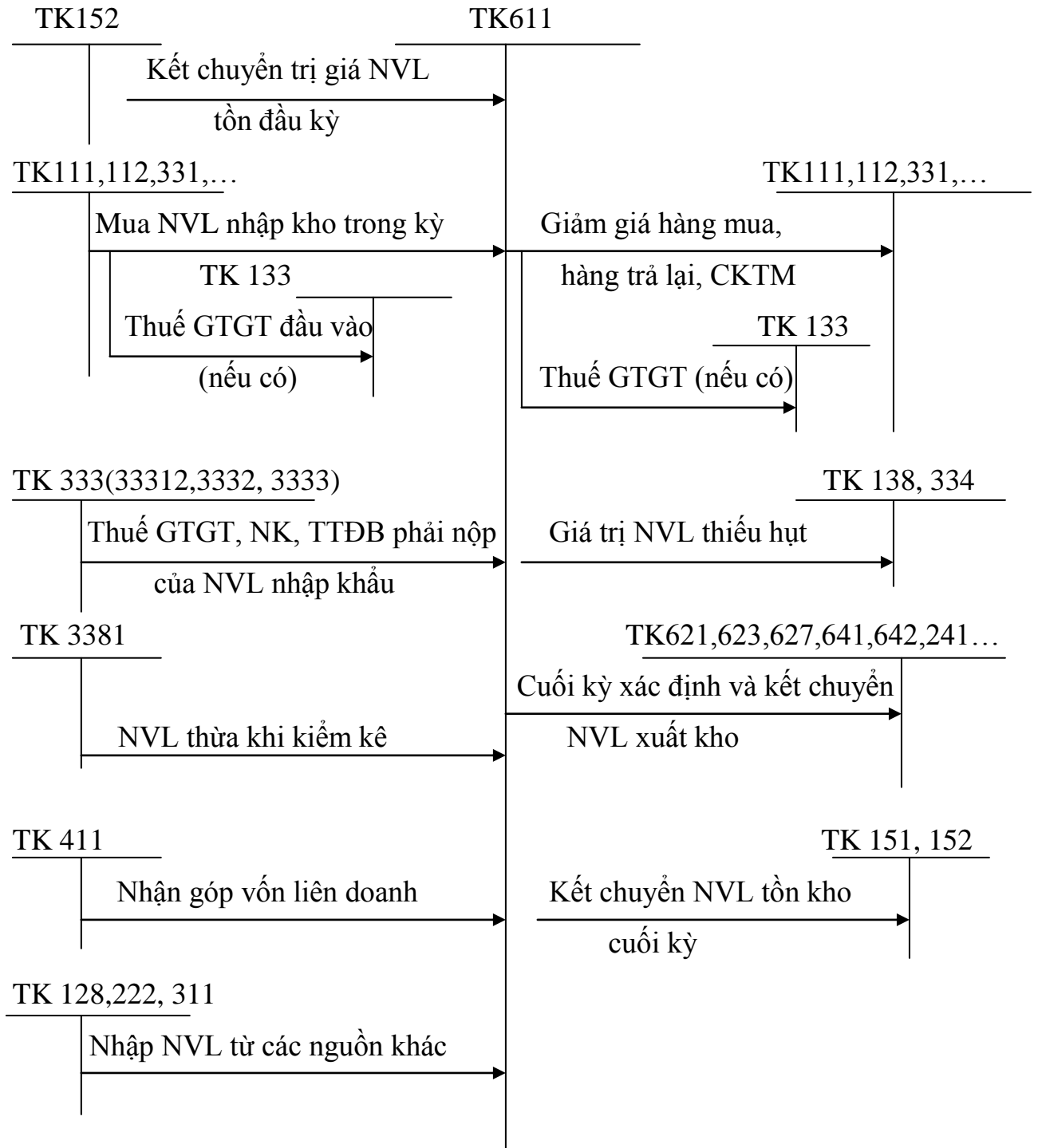
Nợ TK 138(1381): Tài sản thiếu chờ xử lý.

Nợ TK111,334

Có TK611

Quá trình hạch toán tổng hợp nguyên liệu vật liệu có thể tổng quát theo sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.5: Theo phương pháp kiểm kê định kỳ :



1.5. Hạch toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

1.5.1. Khái niệm:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là việc trích lập trước một khoản tiền vào chi phí do có sự chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng tại thời điểm cuối kỳ kế toán năm nhằm tạo nguồn tài chính bù đắp cho những thiệt hại có thể xảy ra cho kỳ kế toán sau do nguyên nhân giảm giá nguyên vật liệu.

1.5.2. Điều kiện áp dụng:

- Phải có đầy đủ tài liệu, chứng từ chứng minh giá vốn của nguyên vật liệu tại thời điểm lập dự phòng cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng trên thị trường.
- Việc ước tính giá trị thuần có thể thực hiện của hàng tồn kho phải dựa trên bằng chứng tin cậy thu thập được tại thời điểm ước tính.
- Là nguyên vật liệu thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp, tồn kho tại thời điểm lập dự phòng.

1.5.3. Phương pháp xác định mức dự phòng và hạch toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Mức dự phòng phải trích cho năm kế hoạch = Số lượng tồn kho vật liệu x $\left[\begin{array}{l} \text{Giá trị vật liệu} \\ \text{trên sổ kế toán} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Giá trị thuần có} \\ \text{thể thực hiện được} \end{array} \right]$

Kế toán ghi bút toán lập dự phòng:

Nợ TK 632: giá vốn hàng bán

Có TK 159: dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Sang năm sau, nếu số dự phòng mới lớn hơn số đã lập, kế toán trích lập thêm phần chênh lệch : Nợ TK 632 Số dự phòng

Có TK 159 bổ sung

Trường hợp số dự phòng mới nhỏ hơn số đã lập, kế toán phải hoàn nhập dự phòng:

Nợ TK 159 Số chênh lệch

Có TK 632 nhỏ hơn

CHƯƠNG II:
THỰC TRẠNG HẠCH TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH
HẢI LONG

2.1. Tổng quan về công ty TNHH Hải Long:

2.1.1. Khái quát chung về công ty TNHH Hải Long:

Công ty TNHH Hải Long được UBND thành phố Hải Phòng ra quyết định thành lập số 74/QĐ-UB ngày 07/12/1992. Có giấy phép kinh doanh do Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng cấp đổi lần thứ 11 vào ngày 25/10/2010.

Công ty TNHH Hải Long là doanh nghiệp do các thành viên tự nguyện góp vốn để tiến hành sản xuất kinh doanh. Công ty có tư cách pháp nhân và địa vị pháp lý, được nhà nước bảo đảm theo điều 4 luật doanh nghiệp. Các thành viên trong công ty đều bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ, được hưởng lợi nhuận và chịu lỗ và gánh vác các nghĩa vụ tài sản khác của công ty theo tỷ lệ vốn góp của mình.

- Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH Hải Long
- Tên giao dịch: ROBIKA HAI PHONG
- Địa chỉ trụ sở chính: 121/123 ngõ 109 đường Trường Chinh – phường Lãm Hà – quận Kiến An – Hải Phòng
- Điện thoại: 031. 3876449/ 3878343
- Fax: 031. 3878557
- Email: hailongrobikahp@vnn.vn
Hailongrobikahp@gmail.com
- Website: www.hailongrobika.com
www.baobihailong.vn
- Mã số thuế: 0200135942

Các chi nhánh của công ty:

- Chi nhánh Hà Nội: 16/168 phố Hào Nam – Hà Nội
- Chi nhánh Quảng Ninh: 85 Trần Phú – thành phố Móng Cái – Quảng Ninh
- Văn phòng đại diện tp. Hồ Chí Minh: 188 Phan Văn Hân – Quận Bình Thạnh
- Xí nghiệp tập thể cổ phần Hải Long: khu I Thị Cầu – thị xã Bắc Ninh – Bắc Ninh

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Nhà máy giấy và bao bì: khu công nghiệp Vĩnh Niệm, đường Nguyễn Sơn Hà – Lê Chân – HP

- Xưởng Nam Triệu: số 10 đường Ngô Quyền – HP

- Xưởng nước mắm: 134 Lê Lai – HP

❖ Ngành nghề kinh doanh:

- Kinh doanh, chế biến nông hải sản, thực phẩm tiêu dùng.
- Sản xuất bột Agar, bột Jelly từ rong biển.
- Sản xuất giấy Kraft và bao bì giấy.
- Chế tạo cơ khí chính xác.
- Khai thác, chế biến nhựa thông.

❖ Chính sách chất lượng của công ty:

- Đáp ứng tốt nhu cầu của khách hàng thông qua chất lượng sản phẩm tốt nhất, thời gian giao hàng chính xác và dịch vụ hoàn hảo.

- Coi trọng mối quan hệ song song giữa “Chất lượng – Giá cả và Tiến độ”, luôn tìm giải pháp tối ưu nhất để thực hiện ba vấn đề này trong cùng một thời điểm cho khách hàng.

- Đảm bảo chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm là mục tiêu hàng đầu của công ty. Với phòng KCS có đầy đủ các trang thiết bị, phương tiện kiểm nghiệm tiên tiến và đội ngũ cán bộ kỹ thuật trình độ cao, giàu kinh nghiệm trong nghề có đủ khả năng quản lý tốt các chỉ tiêu chất lượng của tất cả các sản phẩm do công ty sản xuất.

- Tất cả các sản phẩm đều công bố tiêu chuẩn chất lượng, đã được Sở Y tế và chi cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng thành phố Hải Phòng tiếp nhận. Các sản phẩm trước khi đưa ra thị trường đều được kiểm tra, giám sát chặt chẽ các chỉ tiêu chất lượng cao, ổn định và an toàn vệ sinh thực phẩm.

2.1.2. Những thuận lợi và khó khăn của công ty trong quá trình hoạt động

2.1.2.1. Thuận lợi:

Công ty TNHH Hải Long có thời gian thành lập được hơn 10 năm, được sự quan tâm của ban ngành thành phố, sự đầu tư thích đáng, kịp thời của lãnh đạo công ty cũng như sự nhiệt tình của đội ngũ lao động có tay nghề cao. Công ty đã tạo dựng

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

được một mạng lưới các chi nhánh và nhà máy sản xuất và cung cấp những sản phẩm chất lượng, đảm bảo uy tín và đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của thị trường thành phố, các tỉnh thành lân cận và có những mặt hàng được cung cấp trên khắp cả nước.

2.1.2.2. Khó khăn:

- Về mặt nhu cầu thị trường: do nhiều doanh nghiệp nhất là doanh nghiệp nước ngoài có vốn lớn, đầu tư nhiều về chất lượng cũng như hình thức mẫu mã sản phẩm, nên người tiêu dùng có xu hướng chọn sản phẩm bắt mắt nên nhu cầu về sản phẩm của công ty có giảm sút, mặt khác do công nghệ sản xuất và những yêu cầu về kỹ thuật chất lượng nên giá thành còn cao so với mặt bằng chung.

- Về vốn: là một doanh nghiệp tư nhân, vốn đầu tư vào không nhiều nên việc đầu tư mua sắm các dây chuyền sản xuất hiện đại với năng suất và chất lượng cao vẫn chưa đủ đáp ứng được nhu cầu phục vụ sản xuất.

- Ngoài ra, sự cạnh tranh của các doanh nghiệp cùng ngành cả trong và ngoài nước ngày càng gay gắt cũng là trở ngại cho công ty.

2.1.3. Những thành tích cơ bản mà công ty đạt được trong những năm qua:

Hiện nay công ty đã dần khẳng định được uy tín và thương hiệu của mình với các bạn hàng ở thành phố, trong cả nước và nhiều sản phẩm được xuất khẩu sang một số nước lớn. Kết quả đạt được trong 3 năm 2009, 2010 và 2011 như sau:

✓ **Về nhân lực:**

- Quản lý: 20 người, trong đó 12 người trình độ đại học, 3 người trình độ cao đẳng.
- Số lao động: 145 công nhân với trình độ tay nghề cao
- Thu nhập bình quân: 3.250.000đ/người/tháng.

✓ **Về biến động tài sản và nguồn vốn tại công ty (ĐVT: đồng)**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011
Tài sản			
A. Tài sản ngắn hạn	47.869.195.329	52.802.683.822	69.120.069.237
B. Tài sản dài hạn	22.136.964.085	22.548.433.975	21.937.561.753
Tổng tài sản	70.006.159.414	75.351.117.797	91.057.630.990
Nguồn vốn			
A. Nợ phải trả	46.148.255.918	49.574.414.376	62.297.756.039
B. Nguồn vốn chủ sở hữu	23.857.903.496	25.776.703.420	28.759.874.949
Tổng cộng nguồn vốn	70.006.159.414	75.351.117.797	91.057.630.990

Tình hình biến động tài sản và nguồn vốn của nhà máy trong 3 năm 2009, 2010, 2011

Nhìn vào bảng trên ta có thể nhận xét như sau: Tổng tài sản và nguồn vốn của công ty có xu hướng tăng, điều này chứng tỏ cơ sở vật chất của công ty đã được tăng cường, quy mô và năng lực sản xuất đã được mở rộng, sự gia tăng này sẽ tạo ra nguồn lợi tức trong dài hạn cho công ty.

✓ Về sự biến động doanh thu (ĐVT: đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011
Doanh thu thuần	61.864.730.545	70.871.455.755	80.593.683.715
Lợi nhuận sau thuế	2.067.635.896	2.272.742.157	2.237.378.646

Qua bảng trên ta thấy :

- Doanh thu của công ty ngày càng tăng, cụ thể :

✓ năm 2010 tăng 9.006.725.210 đồng tương đương 14,56%

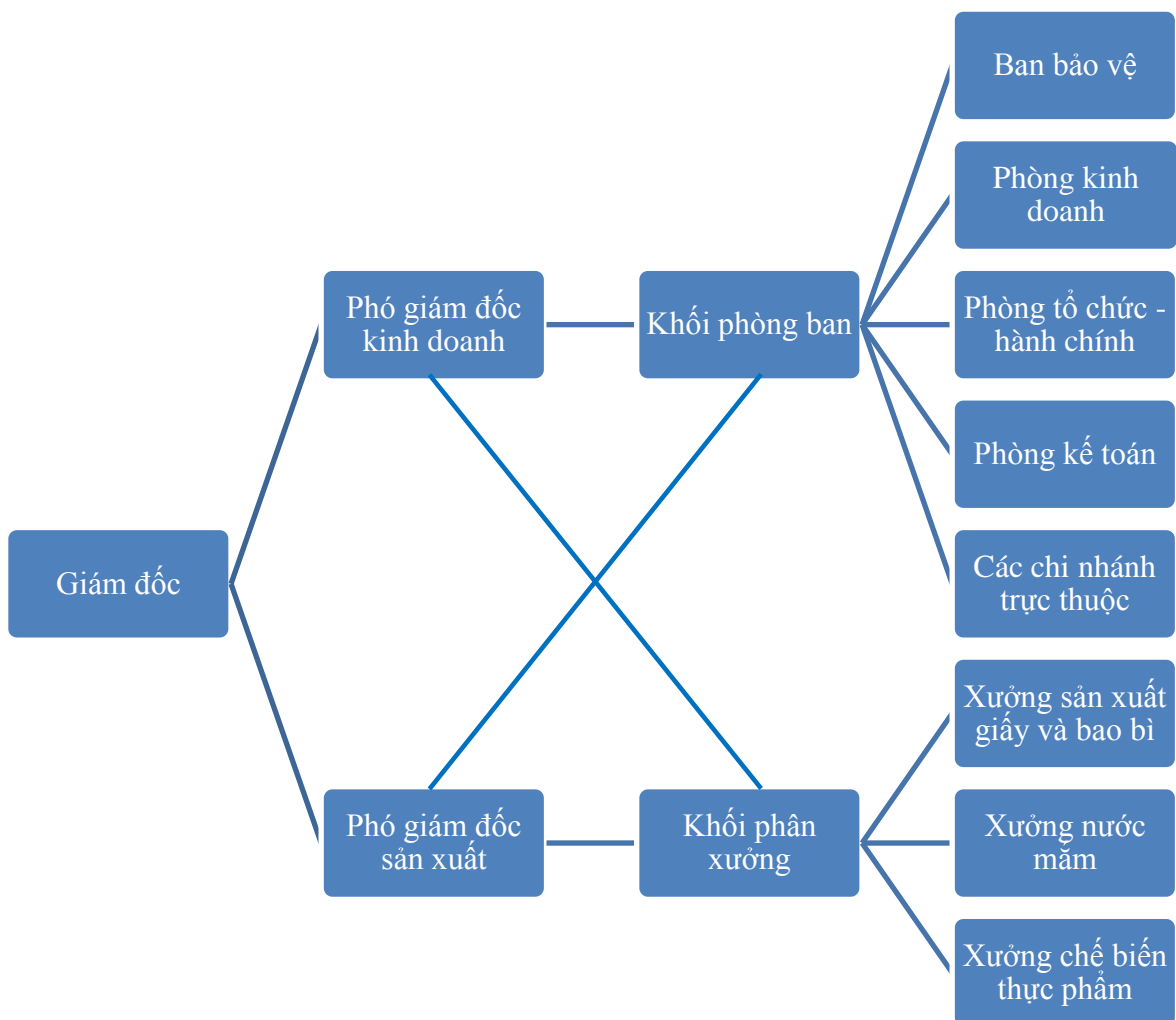
✓ năm 2011 tăng 9.722.227.960 đồng tương đương 13,72%

Đây là dấu hiệu cho thấy mức độ tăng trưởng kinh tế của công ty là khá cao. Công ty không ngừng phát triển, mở rộng quy mô sản xuất, mở rộng thị trường kinh doanh, các sản phẩm của công ty được tiêu thụ nhiều hơn, đảm bảo sự phát triển ổn định bền vững, đưa doanh thu của công ty ngày càng cao.

- Lợi nhuận của công ty đạt được tăng 205.106.261 đồng, tương đương tăng 9,92% năm 2010 so với năm 2009 thể hiện hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả của

công ty. Riêng năm 2011, lợi nhuận sau thuế của công ty so với năm 2010 có giảm 35.363.511 đồng tương đương giảm 1,56%, nguyên do là năm vừa rồi ngân hàng nhà nước tăng mức lãi suất cho vay là 19%/năm có lúc lên tới 22%/năm làm cho chi phí lãi vay của công ty tăng gần gấp đôi, do đó ảnh hưởng đến mức lợi nhuận của công ty. Tuy nhiên mức giảm lợi nhuận này không nhiều, chứng tỏ nếu trong năm nay, lạm phát không tăng nhiều, xuất hiện nhiều tín hiệu có thể giảm mức lãi suất và nếu ngân hàng quyết định điều chỉnh giảm thì lợi nhuận của công ty sẽ lại tăng.

2.1.4. Đặc điểm cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của công ty TNHH Hải Long:



Sơ đồ 2.1: Sơ đồ bộ máy quản lý nhà máy giấy và bao bì Hải Long

Qua sơ đồ ta thấy chức năng các phòng ban như sau:

- **Giám đốc:** là người đại diện pháp lý trước pháp luật đối với toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty và đối với cán bộ công nhân viên công ty, tổ chức lãnh đạo chung toàn công ty.

- **Phó giám đốc kinh doanh:** Tham mưu, giúp việc cho giám đốc trong việc điều hành các phòng ban, các chi nhánh trực thuộc phục vụ việc kinh doanh của công ty.

- **Phó giám đốc sản xuất:** Tham mưu, giúp việc cho giám đốc trong việc điều hành các phân xưởng sản xuất.

- **Phòng kế toán:** Tham mưu cho giám đốc về mặt tài chính kế toán, tổ chức quản lý các nguồn vốn, hạch toán kế toán đúng chế độ, đảm bảo vốn để đơn vị hoạt động liên tục và có hiệu quả, chỉ đạo công tác kế toán tại công ty, xác định tài sản, vật tư, tiền vốn và kết quả kinh doanh. Lưu trữ hồ sơ và các chứng từ gốc liên quan đến các nghiệp vụ kinh tế của công ty, tính toán và trích lập đầy đủ, đúng hạn các khoản nộp ngân sách Nhà nước.

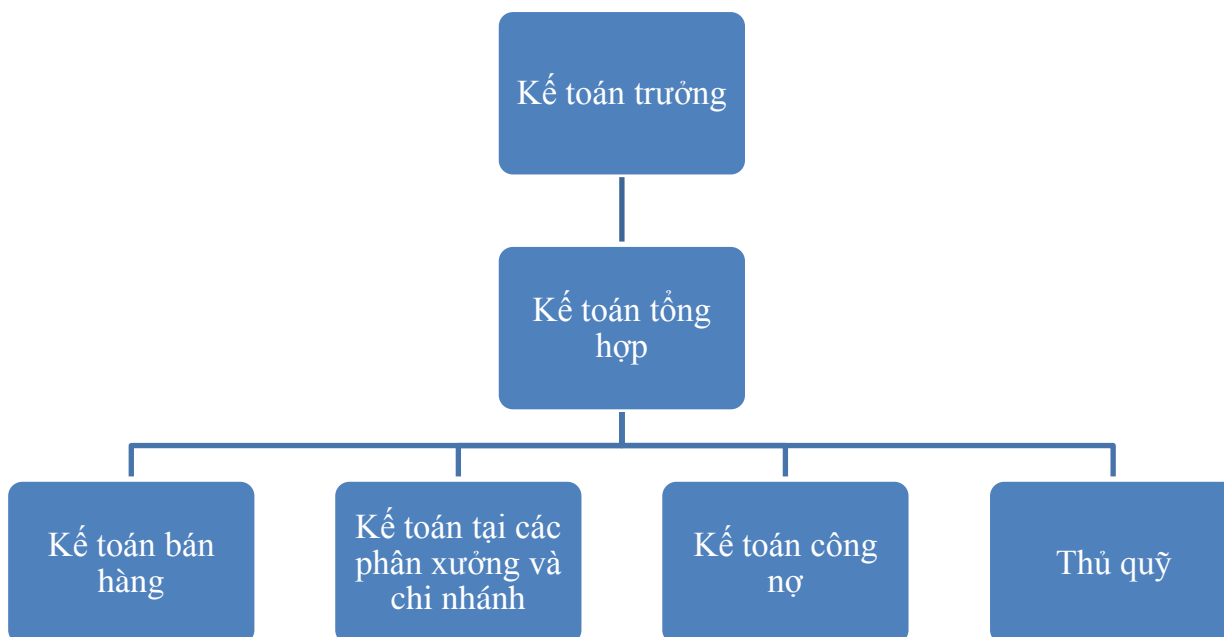
- **Phòng kinh doanh:** Khảo sát nhu cầu thị trường, thường xuyên làm việc với các cơ sở, đại lý phân phối sản phẩm, cung cấp sản phẩm đến người tiêu dùng có nhu cầu. Đồng thời đề ra các chỉ tiêu, kế hoạch cần thực hiện trong việc sản xuất và phân phối sản phẩm.

- **Phòng tổ chức hành chính:** quản lý nguồn nhân lực cũng như quan tâm chăm lo đời sống người lao động được ổn định.

2.1.5. Đặc điểm mô hình tổ chức bộ máy kế toán và hình thức tổ chức hệ thống sổ kế toán áp dụng tại công ty TNHH Hải Long:

Công tác kế toán do một bộ phận chuyên trách đảm nhận gọi là **phòng kế toán**. Trong phòng kế toán trưởng quản lý và điều hành trực tiếp các kế toán viên. Các nhân viên kế toán có trách nhiệm hạch toán chi tiết, hạch toán tổng hợp, làm báo cáo kế toán đồng thời phân tích hoạt động kinh tế và kiểm tra công tác kế toán tại nhà máy.

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập trung



Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của công ty TNHH Hải Long

Trong đó:

➤ **Kế toán trưởng:** Phụ trách công tác kế toán chung cho công ty, tổ chức hạch toán, xác định hình thức kế toán áp dụng cho đơn vị, cung cấp thông tin kinh tế giúp lãnh đạo công ty về công tác chuyên môn, kiểm tra tài chính. Bên cạnh đó, kế toán trưởng còn theo dõi các phần hành sau: theo dõi ngân sách, nhà cung cấp, các khoản phải thu, theo dõi TSCĐ, kế toán tổng hợp, tập hợp chi phí sản xuất của đơn vị, hạch toán kết quả sản xuất kinh doanh, lập báo cáo tài chính, lập tờ khai thuế, tổ chức sử dụng và huy động vốn có hiệu quả nhất.

➤ **Kế toán tổng hợp:** Có trách nhiệm phụ trách bao quát tất cả các số liệu tiền lương, TSCĐ, nguyên vật liệu, giá thành, tiền mặt, TGNH và các khoản công nợ để có thể cung cấp một cách chính xác bất cứ lúc nào cho kế toán trưởng hay cho giám đốc hoặc phó giám đốc.

➤ **Kế toán bán hàng:** theo dõi các hóa đơn chứng từ phục vụ việc bán hàng của công ty.

➤ **Kế toán tại các phân xưởng và chi nhánh:** theo dõi các chứng từ liên quan đến nhập, xuất nguyên vật liệu, CCDC, thành phẩm tại phân xưởng hoặc chi nhánh mình phụ trách.

➤ **Kế toán công nợ:** Chuyên theo dõi các chứng từ liên quan đến các khoản phải thu, phải trả.

➤ **Thủ quỹ:** Có trách nhiệm thu, chi tiền mặt trên cơ sở chứng từ thu và các chứng từ chi, giấy tạm chi... lập báo cáo tồn quỹ tiền mặt theo quy định.

2.1.5.2. Hình thức tổ chức hệ thống sổ kế toán áp dụng tại công ty TNHH Hải

Long:

Để đáp ứng nhu cầu quản lý, đồng thời căn cứ vào quy mô, đặc điểm của hoạt động sản xuất kinh doanh, trình độ nghiệp vụ của cán bộ kế toán, hình thức được công ty áp dụng là hình thức **Nhật ký chung**. Chế độ kế toán công ty áp dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ - BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC.

➤ Hệ thống tài khoản hiện nay công ty đang sử dụng là hệ thống tài khoản do Bộ tài chính ban hành.

➤ Niên độ kế toán: Từ ngày 01 tháng 01 đến 31 tháng 12 năm N.

➤ Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: đồng Việt Nam (VNĐ)

➤ Chế độ kế toán áp dụng: chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam

➤ Phương pháp khấu hao TSCĐ: TSCĐ của nhà máy bao gồm tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình. Khấu hao TSCĐ tính theo phương pháp đường thẳng.

➤ Phương pháp thuế áp dụng: phương pháp khấu trừ.

➤ Phương pháp ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Chu trình kế toán được tổ chức chặt chẽ theo bốn bước sau:

- **Kiểm tra chứng từ:** Xác minh chứng từ về tính hợp pháp, hợp lệ, trung thực, đúng chế độ kế toán.

- **Hoàn chỉnh chứng từ:** Ghi chép nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh như số tiền, số thực xuất... tổng hợp số liệu, lập và định khoản kế toán.

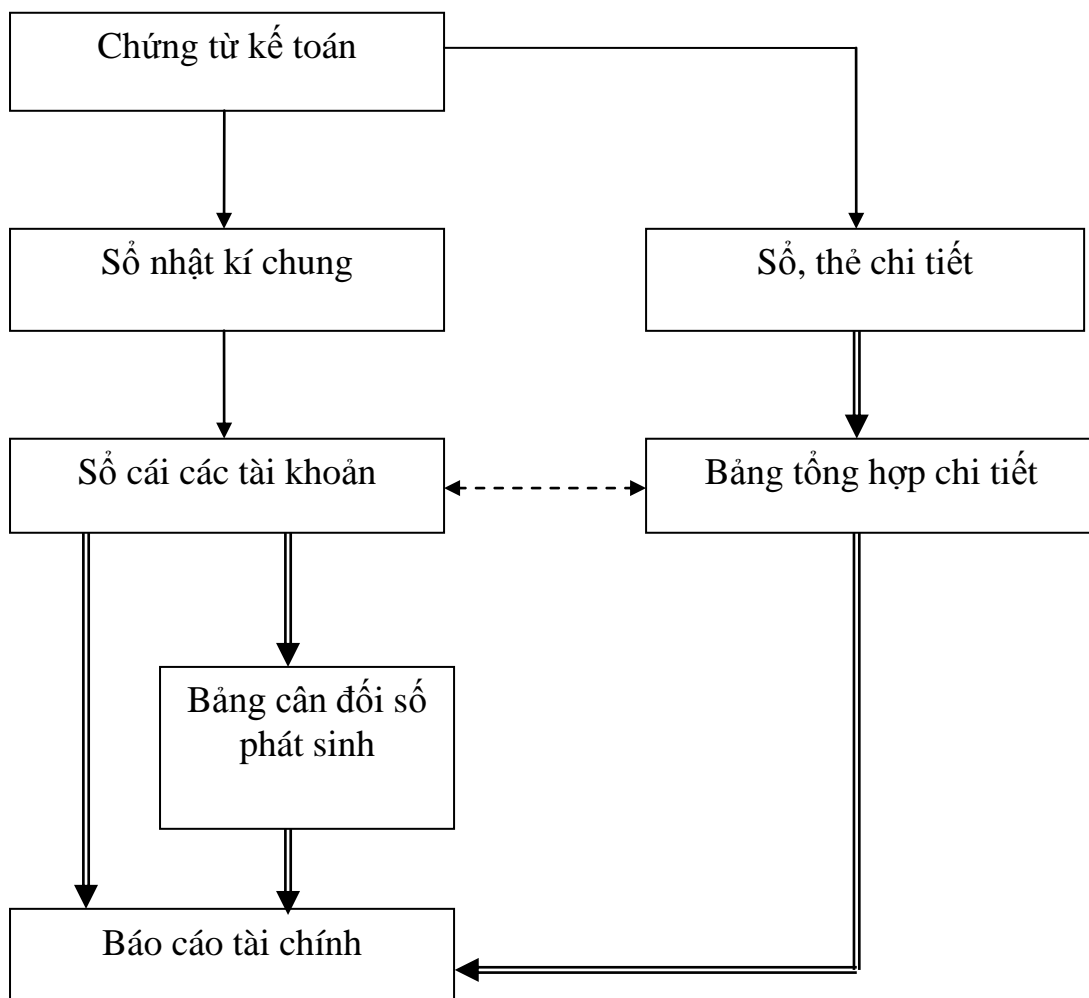
- **Luân chuyển chứng từ:** Tùy theo tính chất nội dung cả từng loại chứng từ

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

lưu chuyên vào các bộ phận được quy định để làm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết kịp thời, chính xác.

- *Lưu trữ chứng từ:* Bộ phận kế toán có trách nhiệm tổ chức bảo quản, lưu trữ đầy đủ có hệ thống và khoa học theo đúng quy định.

Đặc điểm chủ yếu của hình thức kế toán **Nhật ký chung** là tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh phản ánh ở chứng từ gốc đều được ghi chép theo trình tự thời gian và theo quan hệ đối ứng tài khoản vào sổ Nhật ký chung, sau đó từ sổ Nhật ký chung vào sổ cái tài khoản, từ sổ cái các tài khoản, bảng tổng hợp chi tiết lập báo cáo kế toán.



Sơ đồ 2.3: Sơ đồ trình tự hạch toán kế toán tại công ty TNHH Hải Long

Ghi chú:

- > Ghi hằng ngày (định kỳ)
- ←-----> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra
- =====> Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ

Trình tự ghi sổ kế toán như sau:

1. Hàng ngày, kế toán căn cứ vào các chứng từ gốc ghi vào sổ nhật ký chung, sổ thẻ kế toán chi tiết.
2. Từ 3 đến 5 ngày, từ nhật ký chung, sổ kế toán chi tiết ghi vào sổ cái các tài khoản.
3. Tổng hợp các tài khoản chi tiết, lập bảng tổng hợp chi tiết.
4. Đối chiếu, kiểm tra số liệu trước khi lập báo cáo.
5. Lập báo cáo tài chính:
 - Bảng cân đối tài khoản
 - Bảng cân đối kế toán
 - Bảng báo cáo kết quả kinh doanh

2.2. Thực trạng hạch toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH Hải Long:

2.2.1. Đặc điểm nguyên vật liệu và quản lý nguyên vật liệu tại công ty:

Công ty TNHH Hải Long là doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh đa ngành nghề, trong đó, hai ngành sản xuất chủ lực là thực phẩm và giấy bao bì. Nguyên vật liệu chính mà công ty sử dụng chiếm 70%-75% trong tổng giá thành sản phẩm, chỉ cần có sự biến động nhỏ về nguyên vật liệu cũng sẽ ảnh hưởng đến giá thành sản phẩm. Nhiều nguyên vật liệu của công ty là hàng thực phẩm có tính chất lý, hoá khác nhau, thời gian sử dụng ngắn, mang tính thời vụ, phụ thuộc lớn vào điều kiện môi trường, điều kiện bảo quản. Hạ thấp chi phí nguyên vật liệu là biện pháp tích cực nhằm hạ giá thành sản phẩm mà vẫn đảm bảo chất lượng sản phẩm. Song để làm được điều đó thì công ty phải có kế hoạch, có phương pháp quản lý nguyên vật liệu ở tất cả các khâu của quá trình sản xuất.

- Ở khâu thu mua: Do sản xuất nhiều loại sản phẩm có nhu cầu vật tư lớn, đa dạng về chủng loại và đòi hỏi cao về chất lượng nên tất cả vật liệu của công ty đều được mua theo kế hoạch. Vật liệu trước khi nhập về kho đều được kiểm tra chặt chẽ về mặt số lượng, chất lượng, chủng loại.

- Ở khâu dự trữ, bảo quản: công ty xây dựng hệ thống kho bảo quản với hệ thống thiết bị bảo quản tương đối đầy đủ, nhằm đảm bảo chất lượng nguyên

vật liệu một cách tốt nhất có thể. Các loại vật liệu đều được xây dựng định mức dự trữ tối đa, tối thiểu để đảm bảo quá trình sản xuất vừa được tiến hành liên tục vừa tránh tình trạng mua nhiều dẫn đến tình trạng ứ đọng vốn.

2.2.2. Phân loại và tính giá nguyên vật liệu:

2.2.2.1. Phân loại nguyên vật liệu:

Tuỳ thuộc vào đặc điểm kinh doanh của từng công ty mà có cách phân loại khác nhau. Công ty TNHH Hải Long có lượng nguyên vật liệu nhập khẩu không nhiều nên nguyên vật liệu không phân theo nguồn nhập mà chủ yếu được phân theo công dụng của nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất.

- Nguyên vật liệu chính: là các loại vật liệu chủ yếu hình thành nên sản phẩm như rau câu, bột bánh bao, gạo nếp, bột mì, đỗ xanh....
- Nguyên vật liệu phụ: là những loại nguyên vật liệu tuy không cấu thành nên thực thể sản phẩm nhưng có tác dụng nâng cao hình thức, chất lượng sản phẩm như: đường, hương liệu, màu thực phẩm, bột KonJac...
- Nhiên liệu: bao gồm than, cùn, điện...
- Phế liệu: như bao dứa, giấy vụn...

2.2.2.2. Tính giá nguyên vật liệu:

Nguyên vật liệu tại công ty được tính theo nguyên tắc giá thực tế.

***Đối với nguyên vật liệu nhập kho:** nguyên vật liệu ở công ty chủ yếu là mua ngoài, một phần là nhập khẩu. Giá thực tế bao gồm:

Giá thực tế NVL mua ngoài	=	Giá mua thực tế ghi trên hoá đơn (bao gồm thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt nhưng không gồm thuế VAT)	+	Chi phí mua thực tế (chi phí vận chuyển, bốc dỡ, tiền thuê kho bãi...)	-	Chiết khấu thương mại. giảm giá (nếu có)
---------------------------	---	--	---	--	---	--

Ví dụ 2.1: Ngày 12/12/2011, công ty mua của công ty TNHH thương mại XNK Hoàng Hiệp 50.000kg gạo tẻ, đơn giá chưa có thuế là 9.720đ/kg, đơn giá này đã bao gồm phí vận chuyển. Giá thực tế của gạo tẻ nhập kho là:
 $50.000 \times 9.720 = 486.000.000$ đồng.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Ví dụ 2.2: Ngày 26/12/2011, công ty mua 16.000 kg rau câu của bà Huỳnh Thị Hoa, đơn giá chưa có thuế là 14.750đ/kg, chi phí vận chuyển về đến kho là 4.000.000 đồng (chưa bao gồm thuế GTGT). Giá thực tế của rau câu nhập kho là:
 $16.000 \times 14.750 + 4.000.000 = 240.000.000$ đồng.

Ví dụ 2.3: Ngày 09/12/2011, công ty nhập khẩu từ Trung Quốc 2.000kg bột KonJac (Portieu late flour), đơn giá CIF là 245.000đ/kg, thuế nhập khẩu 10%, phí vận chuyển về đến kho là 570.000 đồng. Giá thực tế của bột KonJac nhập kho là:
 $2.000 \times 245.000 + (2.000 \times 245.000) \times 10\% + 570.000 = 539.570.000$ đồng.

• Đối với nguyên vật liệu nhập kho: Trình tự hạch toán quá trình thu mua và nhập kho nguyên vật liệu tại Công ty :

- Căn cứ vào nhu cầu của sản xuất , phòng kinh doanh công ty lên kế hoạch với các nhà cung cấp , chọn giá tốt nhất và tiến hành ký hợp đồng .
- Căn cứ vào hợp đồng đã ký , nhà cung cấp chuyển hàng .
- Thủ kho kiểm tra lại rồi tiến hành nhập hàng.

Ví dụ 2.4: Ngày 16/12/2011, công ty tiến hành mua 5.950 m², đơn giá 6.200 đồng/m² sóng Carton 3 lớp, thuế GTGT 10% theo hoá đơn GTGT số 1258 của công ty TNHH bao bì quốc tế B&B, công ty đã thanh toán bằng ngay bằng tiền mặt.

- Căn cứ vào Hóa đơn GTGT số 1258 (**Biểu số 2.1**), kế toán lập Phiếu chi số 195 (**Biểu số 2.2**), sau đó thủ kho làm thủ tục nhập kho và lập Phiếu nhập kho số 498 (**Biểu số 2.3**).

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.1 : Hoá đơn GTGT số 1258 lập ngày 16/12/2011

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 2: Giao khách hàng		Mẫu số: 01 GTKT3/001 Ký hiệu: AA/11P Số: 0001258													
<i>Ngày 16 tháng 12 năm 2011</i>															
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH BAO BÌ QUỐC TẾ B&B Địa chỉ: 135/28 Trường Chinh - Phường Lãm Hà - Quận Kiến An - Hải Phòng Mã số thuế: 0201133899 Điện thoại: 031. 3 545198 Số tài khoản:															
Họ tên người mua hàng: Tên đơn vị: Công ty TNHH Hải Long Địa chỉ: 109 Trường Chinh – Kiến An – Hải Phòng Số tài khoản: Hình thức thanh toán: Tiền mặt Mã số thuế <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">2</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">1</td><td style="width: 20px; text-align: center;">3</td><td style="width: 20px; text-align: center;">5</td><td style="width: 20px; text-align: center;">9</td><td style="width: 20px; text-align: center;">4</td><td style="width: 20px; text-align: center;">2</td><td style="width: 20px;"></td><td style="width: 20px;"></td><td style="width: 20px;"></td></tr></table>			0	2	0	0	1	3	5	9	4	2			
0	2	0	0	1	3	5	9	4	2						
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền										
1	2	3	4	5	6 = 4x5										
1.	Sóng carton 3 lớp	m ²	5.950	6.200	36.890.000										
Cộng tiền hàng:					36.890.000										
Thuế suất GTGT: 10%				Tiền thuế GTGT:	3.689.000										
Tổng cộng tiền thanh toán:					40.579.000										
Số tiền viết bằng chữ: <i>Bốn mươi triệu năm trăm bảy mươi chín nghìn đồng chẵn.</i>															
Người mua hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Người bán hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Thủ trưởng đơn vị <i>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>											
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)</i>															

In tại công ty TNHH In & Quảng cáo Hợp Thành – MST: 0200584458

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.2: Phiếu chi số 195

Đơn vị: CÔNG TY TNHH HẢI LONG
Địa chỉ: 109 Trường Chinh – Kiến An – HP

PHIẾU CHI

Số: PC 195
Ngày 16 tháng 12 năm 2011

Mẫu số 02-TT
(Theo QĐ số 48/2006/QĐ- BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

NỢ: 152,133
CÓ: 111

Họ, tên người nhận tiền: Công ty TNHH Bao bì quốc tế B&B (Đại diện: anh Đào Huy Hùng)
Địa chỉ: 135/28 Trường Chinh – Kiến An – Hải Phòng
Lý do chi: Thanh toán tiền mua nguyên vật liệu
Số tiền: 40.579.000đ
Viết bằng chữ: Bốn mươi triệu năm trăm bảy mươi chín nghìn đồng chẵn.
Kèm theo:..... **Hoá đơn GTGT số 1258**

Ngày 16 tháng 12 năm 2011

Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Người lập (Ký, họ tên)	Người nhận tiền (Ký, họ tên)	Thủ quỹ (Ký, họ tên)
---	---------------------------------------	----------------------------------	--	--------------------------------

<i>Vũ Hữu Thiệm</i>	<i>Nguyễn Thanh Trà</i>	<i>Nguyễn Thị Nga</i>	<i>Đào Huy Hùng</i>	<i>Dung Thị Hòa</i>
---------------------	-------------------------	-----------------------	---------------------	---------------------

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ):
+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc đá quý):
+ Số tiền quy đổi:

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.3: Phiếu nhập kho số 498

Đơn vị: **CÔNG TY TNHH HẢI LONG**
Địa chỉ: 109 Trường Chinh – Kiến An - HP

PHIẾU NHẬP KHO

Mẫu số: **01 – VT**
Theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC
Ngày 14/9/2006 của
Bộ trưởng BTC

Ngày 16 tháng 12 năm 2011

NỢ: 152

SỐ: PNK 498

CÓ: 111

Họ tên người giao hàng: Công ty TNHH bao bì quốc tế B&B

Theo HĐ GTGT số 1258 ngày 16 tháng 12 năm 2011

Lý do nhập kho: nhập kho sóng carton 3 lớp

Nhập tại kho: Công ty TNHH Hải Long

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá	Mã số	Đvt	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Sóng Carton 3 lớp	S3L	m ²		5.950	6.200	36.890.000
	Cộng				5.950		36.890.000

Tổng số tiền (viết bằng chữ): Ba mươi sáu triệu tám trăm chín mươi nghìn đồng chẵn.

Người lập phiếu

(ký, họ tên)

Người giao hàng

(ký, họ tên)

Thủ kho

(ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên, đóng dấu)

Phạm Thu Trà

Nguyễn Trung Kiên

Trần Văn Lâm

Vũ Hữu Thiệm

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Trong trường hợp thừa, thiếu, mất phẩm chất, không đúng quy cách đã ghi trên chứng từ thì phải báo lại cho phòng kinh doanh biết đồng thời cùng người giao hàng lập biên bản để kế toán có chứng từ ghi sổ.

Phiếu nhập kho sau khi có đầy đủ các chữ kí thì thủ kho phải gửi 1 liên kèm theo biên bản thừa, thiếu (nếu có) về phòng kinh doanh, 1 liên thủ kho ghi vào thẻ kho số thực nhập sau đó chuyển lên cho kế toán vật tư, 1 liên có chứng từ gốc (hoá đơn bán hàng) gửi về phòng kế toán làm căn cứ thanh toán cho người bán.

***Đối với nguyên vật liệu xuất kho:** giá thực tế xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Phương pháp này được tính cho từng loại vật tư cụ thể.

Ví dụ 2.5: Trong tháng 12 năm 2011, công ty tính giá trị xuất kho của rau câu như sau:

Số lượng tồn đầu kỳ là 96.950kg, đơn giá 11.644,465 đ/kg, trị giá rau câu tồn đầu kỳ là: 1.128.930.882 đồng.

Số lượng nhập trong kỳ là 16.000kg, đơn giá 15.000đ/kg, trị giá rau câu nhập trong kỳ là: 240.000.000 đồng.

Đơn giá xuất kho rau câu trong kỳ là:

$$\frac{1.128.930.882 + 240.000.000}{96.950 + 16.000} = 12.119,795 \text{ hay xấp xỉ } 12.120 \text{ đồng}$$

Ví dụ 2.6: Trong tháng 12 năm 2011, công ty tính giá trị xuất kho của giấy Krapt trắng như sau:

Số lượng tồn đầu kỳ là 8.142kg, đơn giá 13.000đ/kg, trị giá giấy tồn đầu kỳ là 105.846.000 đồng.

Số lượng nhập trong kỳ là 1.123kg, đơn giá 13.000đ/kg, trị giá nhập giấy trong kỳ là 14.599.000 đồng.

Đơn giá xuất kho giấy Krapt trắng trong kỳ là:

$$\frac{105.846.000 + 14.599.000}{8.142 + 1.123} = 13.000 \text{ đồng}$$

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Ví dụ 2.7: Tình hình nhập – xuất – tồn thùng Agar của công ty trong tháng 12 năm 2011 như sau:

II. Tồn đầu tháng: 92.663 cái, đơn giá: 5.662 đồng/cái

III. Trong tháng phát sinh các nghiệp vụ sau:

1. Nhập kho trong tháng:

- Ngày 19/12: nhập kho 2.030 cái, đơn giá: 6.250 đồng/cái
- Ngày 25/12: nhập kho 1.540 cái, đơn giá: 6.250 đồng/cái
- Ngày 29/12: nhập kho 1.040 cái, đơn giá: 8.000 đồng/cái

2. Xuất kho trong tháng:

- Ngày 03/12: xuất kho 587 cái
- Ngày 08/12: xuất kho 100 cái
- Ngày 12/12: xuất kho 368 cái
- Ngày 24/12: xuất kho 354 cái

Vậy ta có, đơn giá bình quân xuất kho của thùng Agar là:

$$\frac{92.663 \times 5.662 + 2.030 \times 6.250 + 1.540 \times 6250 + 1.040 \times 8.000}{92.663 + 2.030 + 1.540 + 1.040} = \frac{5.708,577}{\text{xấp xỉ } 5.709 \text{ đồng}}$$

• Đối với nguyên vật liệu xuất kho: Căn cứ vào nhu cầu sản xuất, phòng kinh doanh sẽ làm phiếu xuất kho. Phiếu xuất kho được viết thành 3 liên và có chữ ký của: người lập phiếu, người nhận hàng, thủ kho, kế toán trưởng, giám đốc. Một liên giữ lại ở phòng kinh doanh, một liên giao cho người nhận vật liệu, một liên do thủ kho giữ để ghi thẻ kho sau đó gửi cho phòng kế toán làm căn cứ để tính giá vật liệu xuất kho và ghi vào sổ kế toán. Công ty chưa xây dựng định mức nguyên vật liệu cho sản phẩm do vậy không tính được định mức tiêu hao nguyên vật liệu trong tháng để so sánh với số nguyên vật liệu sử dụng thực tế.

Do công ty áp dụng phương pháp giá bình quân cả kỳ dự trữ cho nguyên vật liệu xuất kho nên giá trị của nguyên vật liệu xuất kho sẽ không được ghi vào phiếu xuất kho. Đến cuối tháng giá trị nguyên vật liệu xuất kho mới tính được và ghi vào sổ chi tiết xuất vật tư và bảng tổng hợp nhập - xuất - tồn.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Ví dụ 2.8: Ngày 15/12, căn cứ phiếu yêu cầu cấp vật tư ngày 14/12 (**Biểu số 2.4**), thủ kho tiến hành ghi phiếu xuất kho số 632 (**Biểu số 2.5**), và xuất vật tư phục vụ sản xuất giấy Kraft 5 lớp.

Biểu số 2.4: Phiếu yêu cầu cấp vật tư cho sản xuất

Công ty TNHH Hải Long

Phiếu yêu cầu cấp vật tư cho sản xuất

Ngày 14 tháng 12 năm 2011

Bộ phận sử dụng: Xưởng sản xuất giấy Kraft 5 lớp

Đơn vị: nhà máy giấy và bao bì

Lý do xuất: Sản xuất sản phẩm

TT	Tên vật tư	ĐVT	Mã số	Số lượng thực nhập	Ghi chú
1.	Giấy Kraft trắng	Kg	KRT	5.894	
2.	Giấy Kraft liner	Kg	GKL	4.247	
3.	Sóng Carton 5 lớp	m ²	S5L	57.018	
4.	Than	Kg	TH	3.536	
5.	Bột trợ lọc	Kg	BL	980	
6.	Hoá chất nhập khẩu	Kg	HCN	491	
7.	Giấy mặt	Kg	GM	7.478	

Ngày 14 tháng 12 năm 2011

Phòng kinh doanh

Phụ trách bộ phận sử dụng

Thủ kho

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.5: Phiếu xuất kho số 632

Đơn vị: CÔNG TY TNHH HẢI LONG
Địa chỉ: 109 Trường Chinh – Kiến An - HP

Mẫu số: 02 - VT
Theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC
Ngày 14/9/2006 của
Bộ trưởng BTC

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 15 tháng 12 năm 2011
Số: P XK 632

NỢ: 621
CÓ: 152

Họ tên người nhận hàng: Mai Văn Trọng - theo Phiếu yêu cầu cấp vật tư cho sản xuất

Lý do xuất kho: xuất sản xuất

Xuất tại kho: công ty TNHH Hải Long

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá	Mã số	Đvt	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1.	Giấy Kraft trắng	KRT	Kg		5.894	13.000	76.622.000
2.	Giấy Kraft liner	GKL	Kg		4.247	13.532	57.470.404
3.	Sóng Carton 5 lớp	S5L	m ²		57.018	9.575	545.947.350
4.	Than	TH	Kg		3.536	744	2.630.784
5.	Bột trợ lọc	BL	Kg		980	5.370	5.262.600
6.	Hoá chất nhập khẩu	HCN	Kg		491	10.706	5.256.646
7.	Giấy mặt	GM	Kg		7.478	10.203	76.298.034
	Cộng						769.487.818

Tổng số tiền (viết bằng chữ): Bảy trăm sáu chín triệu bốn trăm tám bảy nghìn tám trăm mười tám đồng chẵn.

Người lập phiếu

(ký, họ tên)

Phạm Thu Trà

Người nhận hàng

(ký, họ tên)

Mai Văn Trọng

Thủ kho

(ký, họ tên)

Trần Văn Lâm

Giám đốc

(ký, họ tên, đóng dấu)

Vũ Hữu Thiêm

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Ngoài trường hợp xuất kho vật tư cho sản xuất sản phẩm là chính, công ty còn bán nguyên vật liệu ra ngoài. Các trường hợp xuất nguyên vật liệu để tham gia liên doanh hoặc góp vốn thì hầu như không được áp dụng tại công ty.

Ví dụ 2.9: Ngày 12/12/2011, công ty xuất bán 45.000kg gạo tẻ cho công ty TNHH lương thực Thuận Thành, đơn giá bán 9.800đ/kg theo hoá đơn GTGT số 1165, đơn giá xuất kho 9.311đ/kg.

- Căn cứ vào hợp đồng mua bán giữa 2 bên, phòng kinh doanh lập hoá đơn GTGT số 1165 (**Biểu số 2.6**), thủ quỹ lập phiếu thu số 205 (**Biểu số 2.7**), đồng thời thủ kho lập phiếu xuất kho số 628 (**Biểu số 2.8**).

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.7: Phiếu thu số 205

Đơn vị: CÔNG TY TNHH HẢI LONG
Địa chỉ: 109 Trường Chinh – Kiến An - HP

PHIẾU THU

Mẫu số 01-TT

(Theo QĐ số 48/2006/QĐ- BTC

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

Số: PT 205

Ngày 12 tháng 12 năm 2011

NỢ: 111

CÓ: 511, 3331

Họ, tên người nộp tiền: *Vũ Thị Thanh*
Địa chỉ: Công ty TNHH lương thực Thuận Thành
Lý do thu: *Thu tiền xuất bán gạo tẻ theo hóa đơn GTGT số 1165*
Số tiền: 53.900.000đ
Viết bằng chữ: *Năm mươi ba triệu chín trăm nghìn đồng chẵn.*
Kèm theo: Chứng từ kế toán

Ngày 12 tháng 12 năm 2011

<i>Giám đốc</i>	<i>Kế toán trưởng</i>	<i>Người lập</i>	<i>Người nộp tiền</i>	<i>Thủ quỹ</i>
<i>(Ký, họ tên, đóng dấu)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>

Vũ Hữu Thiệm Nguyễn Thanh Trà Nguyễn Thị Nga Vũ Thị Thanh Dung Thị Hòa

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ):

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc đá quý):

+ Số tiền quy đổi:

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.8: Phiếu xuất kho số 628

Đơn vị: CÔNG TY TNHH HẢI LONG

Địa chỉ: 109 Trường Chinh – Kiến An - HP

Mẫu số: 02 - VT

Theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC

Ngày 14/9/2006 của

Bộ trưởng BTC

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 12 tháng 12 năm 2011

Số: P XK 628

NỢ: 632

CÓ: 152

Họ tên người nhận hàng: Dương Thu Thùy

Theo HĐ GTGT số 1165 ngày 12 tháng 12 năm 2011

Lý do xuất kho: xuất bán gạo tẻ cho công ty TNHH lương thực Thuận Thành

Xuất tại kho: công ty TNHH Hải Long

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Gạo tẻ	GT	kg		5.000	9.311	46.555.000
	Cộng				5.000		46.555.000

Tổng số tiền (viết bằng chữ): bốn mươi sáu triệu năm trăm lăm năm nghìn đồng chẵn.

Số chứng từ kèm theo:

Người lập phiếu

(ký, họ tên)

Người nhận hàng

(ký, họ tên)

Thủ kho

(ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên, đóng dấu)

Phạm Thu Trà

Dương Thu Thùy

Trần Văn Lâm

Vũ Hữu Thiệm

2.3. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu:

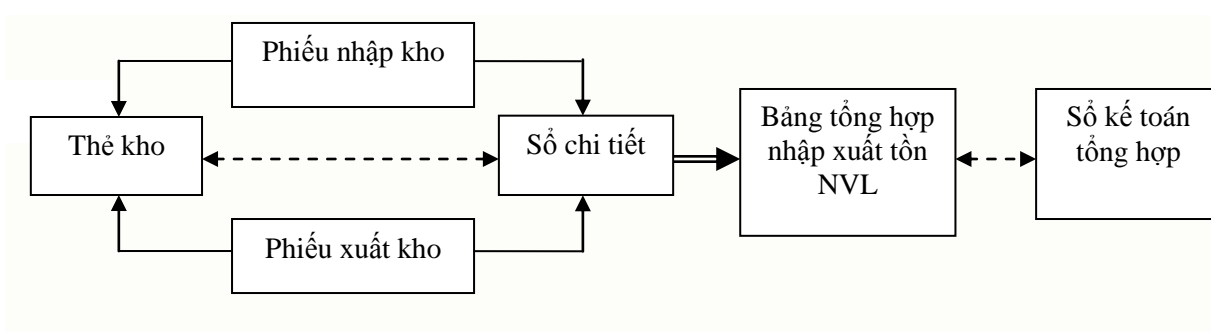
Việc hạch toán chi tiết nguyên vật liệu ở công ty được tiến hành đồng thời tại bộ phận kế toán và bộ phận kho. Phương pháp hạch toán chi tiết công ty sử dụng là phương pháp thẻ song song, phương pháp này đơn giản cho việc ghi chép và thuận lợi cho công tác kiểm tra, đối chiếu khi cần thiết hoặc vào cuối kỳ.

- Tại kho: khi phát sinh các nghiệp vụ nhập, xuất kho nguyên vật liệu, thủ kho căn cứ vào các nghiệp vụ này để ghi vào thẻ kho hàng ngày số thực nhập và thực xuất, Thẻ kho được lập để theo dõi tình hình nhập – xuất - tồn của nguyên vật liệu về mặt số lượng. Mỗi thẻ kho được mở cho một loại nguyên vật liệu, mỗi chứng từ được ghi vào một dòng. Cuối tháng, thủ kho cộng thẻ kho đối chiếu với sổ chi tiết kế toán về mặt số lượng.

- Tại phòng kế toán: Mở sổ kế toán chi tiết nguyên vật liệu để theo dõi tình hình nhập – xuất – tồn kho cả về số lượng và giá trị, mỗi trang sổ được theo dõi cho từng loại vật tư. Cuối tháng cộng sổ kế toán chi tiết để đối chiếu với thẻ kho về mặt số lượng hiện và để lập bảng tổng hợp nhập – xuất – tồn.

Trình tự hạch toán chi tiết nguyên vật liệu ở công ty được thể hiện qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 2.4 : Sơ đồ hạch toán chi tiết NVL theo phương pháp thẻ song song



Ghi chú:

- > Ghi hằng ngày (định kỳ)
- ←-----> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra
- =====> Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ

Ví dụ 2.10: (Tiếp ví dụ 2.4 và 2.9)

- Ngày 12/12/2012
 - Căn cứ Phiếu xuất kho số 628 (**Biểu số 2.8**), kế toán tiến hành ghi vào thẻ kho (**Biểu số 2.9**).
 - Căn cứ Phiếu xuất kho số 628 (**Biểu số 2.8**), kế toán ghi sổ chi tiết vật liệu gạo tẻ (**Biểu số 2.10**).
- Ngày 16/12/2012
 - Căn cứ Phiếu nhập kho số 498 (**Biểu số 2.3**), kế toán tiến hành ghi vào thẻ kho (**Biểu số 2.11**).
 - Căn cứ Phiếu nhập kho số 498 (**Biểu số 2.3**), kế toán ghi sổ chi tiết vật liệu sòng Carton 3 lớp (**Biểu số 2.12**).
- Cuối tháng, từ Sổ chi tiết kế toán vào Bảng tổng hợp chi tiết nguyên vật liệu (**Biểu số 2.13**).

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.9: Thẻ kho gạo tẻ tháng 12/ 2011

Đơn vị: CÔNG TY TNHH HẢI LONG

Địa chỉ: 109 Trường Chinh – Kiến An – HP

Mẫu số S09 - DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC

ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

THẺ KHO

Ngày lập thẻ: 02/12/2011

Tờ số.....

- Tên nhãn hiệu, quy cách, vật tư: Gạo tẻ
- Đơn vị tính: kg
- Kí hiệu: GT

Số TT	Ngày Tháng	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	Ngày nhập xuất	Số lượng			Ký xác nhận của kế toán
		Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn	
A	B	C	D	E	F	1	2	3	G
1.	02/12			Tồn đầu kỳ				272.250	
2.	02/12		PXK584	Xuất bán cho Thuận Thành			40.000	232.250	
3.	03/12	PNK435		Mua nhập kho của Hoàng Hiệp chưa thanh toán		50.000		282.250	
4.	12/12		PXK628	Xuất bán cho Thuận Thành			5.000	277.250	
				Cộng cuối kỳ		50.000	45.000	277.250	

- Sổ này có ..1..trang

- Ngày mở sổ:

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.10 : Sổ chi tiết vật liệu gạo tẻ tháng 12/2012.

CÔNG TY TNHH HẢI LONG
109 Trường Chinh – Kiến An - HP

Mẫu số S07-DNN
Theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của
Bộ trưởng BTC

SỔ CHI TIẾT NGUYÊN VẬT LIỆU

Tài khoản: 152

Tháng 12 năm 2011

Tên quy cách NVL: Gạo tẻ

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
Số hiệu	Ngày tháng				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
		Số dư đầu kỳ		9.235					272.250	2.514.358.000
		Số phát sinh								
PXK584	02/12/2011	Xuất bán cho Thuận Thành	131	9.311			40.000	372.440.000	232.250	2.141.918.000
PNK492	03/12/2011	Mua nhập kho của Hoàng Hiệp trả bằng chuyển khoản	112	9.720	50.000	486.000.000			282.250	2.627.918.000
PXK628	12/12/2011	Xuất bán cho Thuận Thành	111	9.311			5.000	46.555.000	277.250	2.581.363.000
		Cộng tháng			50.000	486.000.000	45.000	418.995.000	277.250	2.581.363.000

Người ghi sổ
(Ký và ghi rõ họ tên)

Kế toán
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.11: Thẻ kho sóng Carton 3 lớp tháng 12/2011

Đơn vị: CÔNG TY TNHH HẢI LONG

Mẫu số S09 - DNN

Địa chỉ: 109 Trường Chinh – Kiến An – HP

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC)

ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

THẺ KHO

Ngày lập thẻ: 01/12/2011

Tờ số.....

- Tên nhãn hiệu, quy cách, vật tư: Sóng Carton 3 lớp
- Đơn vị tính: m²
- Kí hiệu: S3L

Số TT	Ngày Tháng	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	Ngày nhập xuất	Số lượng			Ký xác nhận của kế toán
		Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn	
A	B	C	D	E	F	1	2	3	G
1.	01/12			Tồn đầu kỳ				19.962	
2.	01/12	PNK463		Nhập kho trả bằng tiền mặt		1.400		21.362	
3.	15/12		PXK633	Xuất kho sản xuất			3.200	18.162	
4.	16/12	PNK498		Nhập kho trả bằng tiền mặt		5.950		24.112	
5.	21/12		PXK684	Xuất kho sản xuất			5.650	18.462	
				Cộng cuối kỳ		7.350	8.850	18.462	

- Sổ này có ..1..trang

- Ngày mở sổ:

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.12: Sổ chi tiết vật liệu sóng Carton 3 lớp tháng 12/2012.

CÔNG TY TNHH HẢI LONG
109 Trường Chinh – Kiên An - HP

Mẫu số S07-DNN
Theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của
Bộ trưởng BTC

SỔ CHI TIẾT NGUYÊN VẬT LIỆU

Tài khoản: 152

Tháng 12 năm 2011

Tên quy cách NVL: Sóng Carton 3 lớp

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
Số hiệu	Ngày tháng				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
		Số dư đầu kỳ		6.200					19.962	123.764.400
		Số phát sinh								
PNK 463	01/12/2011	Nhập kho trả bằng tiền mặt	111	6.300	1.400	8.820.000			21.362	132.584.400
PXK 633	15/12/2011	Xuất kho phục vụ sản xuất	621	6.205			3.200	19.856.000	18.162	112.728.400
PNK 498	16/12/2011	Nhập kho trả bằng tiền mặt	111	6.200	5.950	36.890.000			24.112	149.618.400
PXK 684	21/12/2011	Xuất kho phục vụ sản xuất	621	6.205			5.650	35.058.250	18.462	114.560.150
		Cộng tháng			7.350	45.710.000	8.850	54.914.250	18.462	114.560.150

Người ghi sổ
(Ký và ghi rõ họ tên)

Kế toán
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.13: Bảng tổng hợp chi tiết nguyên vật liệu tháng 12/2011.

Đơn vị: CÔNG TY TNHH HẢI LONG

Địa chỉ: 109 Trường Chinh – Kiến An - HP

Mẫu số S08 - DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT VẬT LIỆU

Tài khoản: 152

Tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng

STT	Tên. quy cách vật liệu. dụng cụ. sản phẩm hàng hoá	Số tiền			
		Tồn đầu kỳ	Nhập trong kỳ	Xuất trong kỳ	Tồn cuối kỳ
A	B	1	2	3	4
1	Rau câu	1.128.930.882	1.240.000.000	552.068.797	1.816.862.085
2	Hoá chất	2.516.606.748	-	350.096.906	2.166.509.842
3	Túi agar, túi thạch....	1.436.692.599	-	52.938.270	1.383.754.329
4	Thùng agar	524.696.867	30.632.500	8.043.981	547.285.386
5	Than	1.403.380.969	-	120.757.896	1.282.623.073
6	Gạo sản xuất	233.372.623	-	12.714.870	220.657.753
7	Tấm gạo	2.797.094.606	-	674.000.000	2.123.094.606
8	Đường	4.509.059.188	-	-	4.509.059.188
9	Túi chả	219.719.410	119.784.600	16.230.500	323.273.510
10	Thùng chả	173.443.325	-	9.472.260	163.971.065
11	Tem	3.151.043	-	1.132.160	2.018.883
12	Cồn	24.572.500	-	-	24.572.500
	Cộng chuyển sang trang sau	14.970.720.760	1.390.417.100	1.797.455.640	14.563.682.220

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

STT	Tên. quy cách vật liệu. dụng cụ. sản phẩm hàng hoá	Số tiền			
		Tồn đầu kỳ	Nhập trong kỳ	Xuất trong kỳ	Tồn cuối kỳ
	Cộng chuyển từ trang trước sang	14.970.720.760	1.390.417.100	1.797.455.640	14.563.682.220
13	Giấy vụn	2.035.325.115	1.544.887.000	933.405.349	2.646.806.766
14	Bột bánh bao	169.888.621	145.681.818	3.846.704	311.723.735
15	Gạo nếp	17.844.000	125.727.080	63.396.000	80.175.080
16	Đỗ xanh	36.350.437	40.000.000	47.539.472	28.810.965
17	Màng ngoài agar	342.677.176	-	11.962.000	330.715.176
18	Chất giữ màu, hương liệu, màu thực phẩm	124.742.227	62.298.702	18.691.250	168.349.679
19	Cốc, thìa, hộp thực phẩm	352.273.054	-	11.024.475	341.248.579
20	Bột trợ lọc	140.831.780	36.000.000	89.829.360	87.002.420
21	Mực in	153.306.195	16.080.000	9.569.560	159.816.635
22	Sóng Carton 3 lớp	123.764.400	45.710.000	54.914.250	114.560.150
23	Sóng Carton 5 lớp	1.094.681.795	-	545.947.350	548.734.445
24	Bột KonJac (Portieu late flour)	1.279.419.265	539.570.744	66.081.526	1.752.908.483
25	Gạo tẻ	2.514.358.000	486.000.000	418.995.000	2.581.363.000
26	Bột khoai môn	257.480.000	-	-	257.480.000
27	Ngô hạt	553.464.100	-	-	553.464.100
28	Rong biển	1.101.971.945	17.727.275	42.600.000	1.077.099.220
29	Giấy mặt	142.756.508	-	76.298.034	66.458.474
30	Giấy Kraft liner	923.289.362	-	57.470.404	865.818.958
	Cộng chuyển sang trang sau	26.335.144.740	4.450.099.719	4.249.026.374	26.536.218.085

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

STT	Tên. quy cách vật liệu. dụng cụ. sản phẩm hàng hoá	Số tiền			
		Tồn đầu kỳ	Nhập trong kỳ	Xuất trong kỳ	Tồn cuối kỳ
	Cộng chuyển từ trang trước sang	26.335.144.740	4.450.099.719	4.249.026.374	26.536.218.085
31	Đường vàng Lam Sơn	30.707.160	-	-	30.707.160
32	Giấy Kraft trắng	105.846.000	14.599.000	76.622.000	43.823.000
33	Phèn chua Al 2 so4 3	265.701.730	-	-	265.701.730
34	Bột mì	623.002.500	-	-	623.002.500
35	Đường trắng	2.818.953.007	-	-	2.818.953.007
36	Bột gạo (hồ dán giấy)	202.500.000	-	-	202.500.000
37	Than cục	320.000.000	-	-	320.000.000
38	Dầu Oliu Cái Lân	102.960.000	-	-	102.960.000
39	Đường tinh luyện túi 01kg	202.080.000	-	-	202.080.000
40	Đường kính trắng RS 333 túi 01kg	932.701.220	-	-	932.701.220
41	Đường Tinh luyệnRE2	332.846.863	-	-	332.846.863
42	Đường kính Trắng KONTUM	217.663.620	-	-	217.663.620
	Cộng	32.490.106.840	4.464.698.719	4.325.648.374	32.629.157.185

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký và ghi rõ họ tên)

Kế toán
(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký. họ tên. đóng dấu)

2.4. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu:

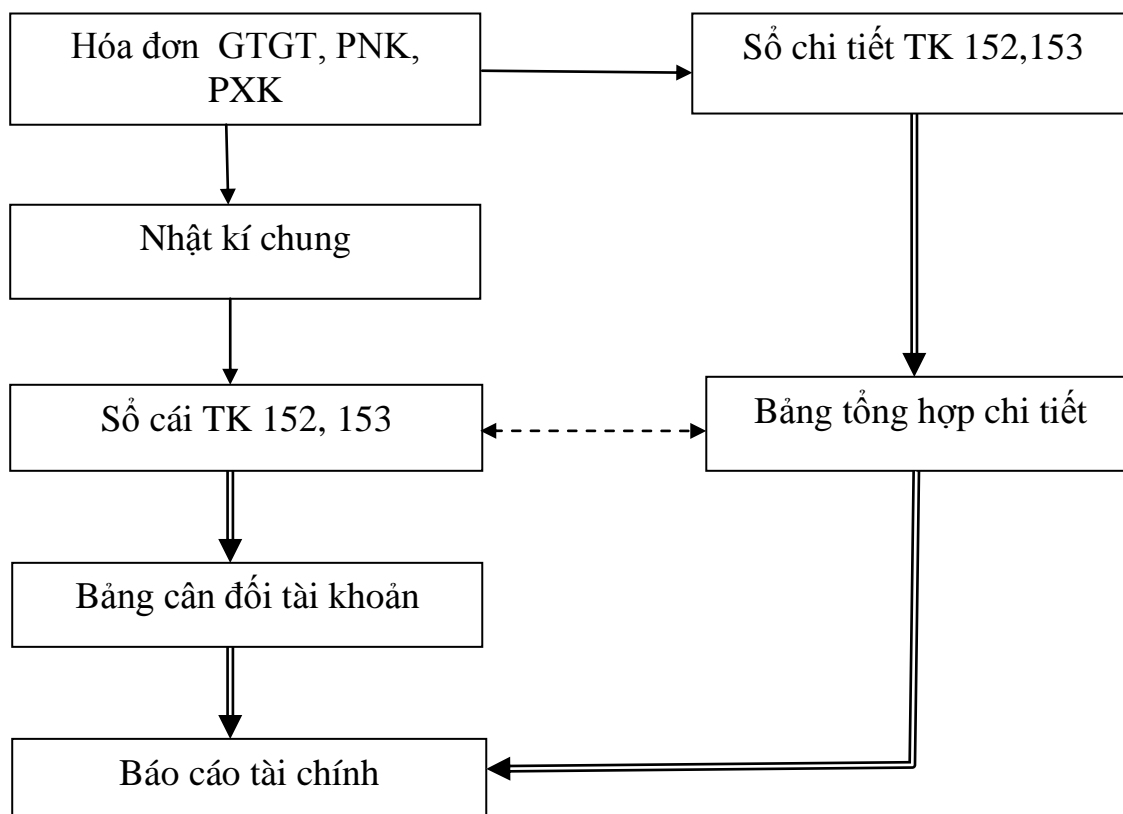
- Công ty TNHH Hải Long có số lượng vật tư tương đối lớn, nhiều chủng loại khác nhau nên công ty chọn phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu nhằm cung cấp thông tin về tình hình nhập – xuất – tồn kho vật liệu một cách chính xác và kịp thời cho quản lý.
- Công ty không lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

2.4.1. Tài khoản sử dụng :

- Tài khoản 152: nguyên vật liệu
 - + Tài khoản 1521: nguyên vật liệu chính
 - + Tài khoản 1522: nguyên vật liệu phụ
 - + Tài khoản 1523: nhiên liệu
 - + Tài khoản 1528 : nguyên vật liệu khác
- Tài khoản 111: Tiền mặt
- Tài khoản 112: Tiền gửi ngân hàng
- Tài khoản 133: Thuế GTGT được khấu trừ
- Tài khoản 331: Phải trả cho người bán(chi tiết cho từng đối tượng)
- Tài khoản 621: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp(chi tiết cho từng bộ phận)
- Tài khoản 632: Giá vốn hàng bán

2.4.2. Sổ sách sử dụng :

- Sổ chi tiết nguyên vật liệu
- Sổ cái TK 152
- Bảng tổng hợp chi tiết nguyên vật liệu



Sơ đồ 2.5: Quy trình luân chuyển chứng từ kế toán NVL, CCDC

Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày (định kì)
- ←-----> Đối chiếu, kiểm tra
- ====> Ghi cuối tháng, cuối năm

Ví dụ 2.11 : (Tiếp theo các ví dụ trên)

- Ngày 12/12/2011

- Căn cứ vào phiếu xuất kho số 628 (**Biểu số 2.8**) kế toán ghi chép nghiệp vụ vào sổ Nhật ký chung (**Biểu số 2.15**).
- Căn cứ vào phiếu thu số 205 (**Biểu số 2.7**), kế toán ghi chép nghiệp vụ vào sổ quỹ tiền mặt (**Biểu số 2.14**) và sổ Nhật ký chung (**Biểu số 2.15**).

- Ngày 16/12/2011

- Căn cứ vào phiếu nhập kho số 498 (**Biểu số 2.3**) kế toán ghi chép nghiệp vụ vào sổ Nhật ký chung (**Biểu số 2.15**).
- Căn cứ vào phiếu chi số 195 (**Biểu số 2.2**), kế toán ghi chép nghiệp vụ vào sổ quỹ tiền mặt (**Biểu số 2.14**) và sổ Nhật ký chung (**Biểu số 2.15**).

- Từ sổ Nhật ký chung (**Biểu số 2.15**), kế toán vào sổ :

- Sổ cái TK 152 (**Biểu số 2.16**)
- Sổ cái TK 111 (**Biểu số 2.17**)
- Sổ cái TK 632
- Sổ cái TK 133
- Sổ cái TK 511
- Sổ cái TK 3331

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.14 : Sổ quỹ tiền mặt năm 2011.

Đơn vị: CÔNG TY TNHH HẢI LONG
Địa chỉ: 109 Trường Chinh – Kiến An - HP

Mẫu số: S05a – DNN
Theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC
Ngày 14/9/2006 của
Bộ trưởng BTC

SỔ QUỸ TIỀN MẶT

Năm 2011

Loại TK: Tiền mặt tại quỹ

Số hiệu: 111

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng	Số phiếu		Diễn giải	Số tiền		
	Thu	Chi		THU	CHI	TÒN
			Dư đầu năm			464.812.917
		
04/12/1		PC 187	Chi tạm ứng tiền đi công tác		2.000.000	385.392.490
06/12	PT 196		Thu tiền hàng công ty Khánh Phượng	19.019.000		404.411.490
07/12		PC 188	Thanh toán tiền phí cho công ty Hữu Phong		2.020.000	402.391.490
08/12		PC 189	Thanh toán tiền gia công cho HTX Nam Triệu		17.600.000	382.855.490
09/12	PT 197		Thu tiền hàng công ty thực phẩm Tân Việt Sin	16.830.000		399.685.490
09/12	PT 198		Thu tiền hàng công ty Kiệt Thông	18.480.000		418.165.490
		
12/12	PT 205		Thu tiền bán gạo tế cho công ty Thuận Thành	53.900.000		506.644.090
		
16/12		PC 195	Thanh toán tiền mua sòng Carton 3 lớp cho công ty B&B		40.579.000	466.065.090
		
			Cộng	6.855.414.926	7.112.371.554	207.856.289

Thủ quỹ
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Giám đốc
(Ký và ghi rõ họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.15: Sổ Nhật ký chung năm 2011.

Đơn vị: CÔNG TY TNHH HẢI LONG
Địa chỉ: 109 Trường Chinh – Kiến An - HP

Mẫu số S03a-DNN
Theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của
Bộ trưởng BTC

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2011

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT dòng	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền PS	
	Số hiệu	Ngày tháng					NỢ	CÓ
		
12/12	PT 205	12/12/11	Xuất bán gạo tẻ cho Thuận Thành trả bằng tiền mặt	x		111	53.900.000	
						511		49.000.000
						3331		4.900.000
12/12	PXK 628	12/12/11	Xuất gạo tẻ cho Thuận Thành	x		632	46.555.000	
						152		46.555.000
		
15/12	PXK 632	15/12/11	Xuất NVL phục vụ sx giấy Kraft 5 lớp	x		621	769.487.818	
						152		769.487.818
16/12	PC 195, PNK 498	16/12/11	Thanh toán tiền mua sóng Carton 3 lớp	x		152	36.890.000	
						133	3.689.000	
						111		40.579.000
		
			Cộng lũy kế				79.362.893.540	79.362.893.540

Kế toán
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Giám đốc
(Ký và ghi rõ họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.16: Sổ cái TK 152 năm 2011.

Đơn vị: CÔNG TY TNHH HẢI LONG
Địa chỉ: 109 Trường Chinh – Kiến An - HP

Mẫu số S03b-DNN
Theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của
Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Nguyên vật liệu

Số hiệu: 152

Năm 2011

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			NỢ	CÓ
			Dư đầu kỳ		21.252.366.795	
		
02/12	PNK 463	02/12/11	Nhập kho sóng Carton 3 lớp trả bằng tiền mặt	111	8.820.000	
03/12	PNK 492	12/12/11	Nhập kho gạo tẻ của Hoàng Hiệp đã trả bằng chuyển khoản	112	486.000.000	
		
12/12	PXK 628	12/12/11	Xuất gạo tẻ bán cho Thuận Thành	632		46.555.000
		
15/12	PXK 632	15/12/11	Xuất NVL phục vụ sản xuất giấy Kraft 5 lớp	621		769.487.818
15/12	PXK 633	15/12/11	Xuất kho sóng Carton 3 lớp phục vụ sản xuất	621		19.840.000
16/12	PNK 498	16/12/11	Nhập kho sóng Carton 3 lớp trả bằng tiền mặt	111	36.890.000	
		
			Cộng số phát sinh		21.439.986.430	10.063.196.040
			Số dư cuối kỳ		32.629.157.185	

Kế toán
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Giám đốc
(Ký và ghi rõ họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.17: Sổ cái TK 111 năm 2011.

Đơn vị: CÔNG TY TNHH HẢI LONG
Địa chỉ: 109 Trường Chinh – Kiến An - HP

Mẫu số S03b-DNN
Theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của
Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Tiền mặt

Số hiệu: 111

Năm 2011

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			NỢ	CÓ
			Dư đầu kỳ		464.812.917	
		
04/12	PC 187	04/12/11	Chi tạm ứng tiền đi công tác	141		2.000.000
		
12/12	PT 205	12/12/11	Thu tiền bán gạo tế cho công ty Thuận Thành	511, 3331	53.900.000	
		
16/12	PC 195	16/12/11	Thanh toán tiền mua sòng Carton 3 lớp cho công ty B&B	152, 133		40.579.000
		
			Cộng số phát sinh		6.855.414.926	7.112.371.554
			Số dư cuối kỳ		207.856.289	

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Kế toán

(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký và ghi rõ họ tên)

2.5.Hạch toán nghiệp vụ kiểm kê nguyên vật liệu:

Tại công ty thì công việc kiểm kê nguyên vật liệu chủ yếu do các phân xưởng tự thực hiện. Thời gian kiểm kê cũng không cố định mà tùy theo yêu cầu của từng phân xưởng. Mục đích của việc kiểm kê nhằm xác định một cách chính xác số lượng và giá trị của từng loại vật tư có trong kho của công ty. Ngoài ra công tác kiểm kê vật tư còn có mục đích đôn đốc và kiểm tra tình hình bảo quản, phát hiện và xử lý các hao hụt, hỏng, mất... các vật tư tại kho. Qua công tác này sẽ nâng cao ý thức, trách nhiệm của từng người trong việc bảo quản, sử dụng vật tư.

Thông thường trước khi tiến hành kiểm kê, phải xác định được lượng nguyên vật liệu tồn kho ở thời điểm kiểm kê trên sổ sách. Đồng thời tiến hành kiểm kê số vật tư còn lại trong kho. Kết quả kiểm kê sẽ được ghi vào biên bản kiểm kê vật tư. Trong biên bản này sẽ ghi rõ từng loại vật tư được kiểm kê về số lượng, đơn giá, số lượng tồn thực tế và trên sổ sách cũng như mức chênh lệch giữa thực tế và sổ sách. Căn cứ kết quả kiểm kê, xác định nguyên nhân thừa thiếu của nguyên vật liệu từ đó đưa ra các biện pháp xử lý thích hợp.

- Trường hợp thiếu vật tư: nếu là nguyên nhân khách quan thì được hạch toán vào chi phí. Nếu việc thiếu hụt này do nguyên nhân chủ quan thì yêu cầu cá nhân đó phải bồi thường cho doanh nghiệp.
- Trường hợp thừa vật tư: sau khi tìm hiểu các nguyên nhân, kế toán tiến hành hạch toán. Thường thì kế toán sẽ ghi giảm chi phí, trong 1 sổ trường hợp đặc biệt thì mới hạch toán vào tài khoản Nợ 002.

Biểu số 2.18: Theo kết quả kiểm kê nguyên vật liệu ngày 31/12/2011, hội đồng kiểm kê lập biên bản kiểm kê vật liệu.
BIÊN BẢN KIỂM KÊ VẬT TƯ, CÔNG CỤ, SẢN PHẨM, HÀNG HÓA

- Thời điểm kiểm kê: 8 giờ ngày 31 tháng 12 năm 2011

- Ban kiểm kê gồm:

Ông/ Bà: Hoàng Văn Đông

Chức vụ: Trưởng phòng kinh doanh

Trưởng ban

Ông/ Bà: Trần Văn Lâm

Chức vụ: Thủ kho

Ủy viên

Ông/ Bà: Nguyễn Thị Nga

Chức vụ: Kế toán trưởng

Ủy viên

- Đã kiểm kê kho nguyên vật liệu có những mặt hàng dưới đây:

STT	Tên, nhãn hiệu NVL	Mã số	ĐVT	Đơn giá	Theo sổ kế toán		Theo kiểm kê		Chênh lệch				Phẩm chất		
					Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Thừa		Thiếu		Còn tốt 100%	Kém phẩm chất	Mất phẩm chất
									SL	TT	SL	TT			
1.	Sóng Carton 3 lớp	S3L	m ²	6.205	18.462	114.560.150	18.462	114.560.150	-	-	-	-			
2.	Sóng Carton 5 lớp	S5L	m ²	9.574	57.313	548.734.445	57.313	548.734.445	-	-	-	-			
.....							
	Cộng				14.364.354	32.629.157.185	14.364.354	32.629.157.185							

Chúng tôi cùng thống nhất với số lượng hàng đã kiểm kê trên.

Giám đốc
 (Ý kiến giải quyết số chênh lệch)
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Thủ kho
 (Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011
 Trưởng ban kiểm kê
 (Ký, họ tên)

CHƯƠNG III:

**MỘT SỐ NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC
KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH HẢI LONG**

3.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác quản lý sử dụng và công tác kế toán nguyên vật liệu tại doanh nghiệp:

Nền kinh tế thị trường với những đổi mới thực sự trong cơ chế quản lý tài chính đã khẳng định vai trò vị trí của thông tin kế toán trong doanh nghiệp. Kế toán là một công cụ hữu hiệu nhất để điều hành, quản lý, kiểm tra, tính toán hiệu quả các hoạt động sản xuất, kinh doanh trong doanh nghiệp. Khi xu thế cạnh tranh ngày càng lành mạnh giữa các doanh nghiệp, giá cả là yếu tố cốt yếu quyết định “số phận” của sản phẩm, lợi nhuận của công ty. Như chúng ta đã biết, nguyên vật liệu thường chiếm tỷ trọng lớn trong chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm. Hạch toán kế toán nguyên vật liệu đầy đủ, chính xác là một trong những yếu tố đảm bảo cho giá thành được phản ánh chân thực. Trên cơ sở đó các nhà quản lý phân tích và tìm cách tiết kiệm nguyên vật liệu để giảm giá thành, tăng năng lực cạnh tranh, tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp. Chính vì vậy, công tác hạch toán kế toán nguyên vật liệu là một phần hành không thể thiếu trong các doanh nghiệp sản xuất. Công ty TNHH Hải Long mặc dù có rất nhiều cố gắng trong tổ chức công tác quản lý, sử dụng và hạch toán kế toán nguyên vật liệu, song vẫn còn một số hạn chế cần khắc phục để đáp ứng hơn nữa yêu cầu cung cấp đầy đủ, kịp thời và đồng bộ nguyên vật liệu cho sản xuất, dự trữ và sử dụng nguyên vật liệu hợp lý, tiết kiệm, ngăn ngừa các hiện tượng hao hụt, mất mát, lãng phí nguyên vật liệu trong tất cả các khâu của quá trình sản xuất kinh doanh. Từ đó tạo ra những sản phẩm chất lượng cao, giá thành hạ, đáp ứng nhu cầu của thị trường, tăng lợi nhuận cho công ty. Do đó, việc nghiên cứu các biện pháp nhằm hoàn thiện công tác quản lý, sử dụng và hạch toán kế toán nguyên vật liệu tại công ty là vô cùng quan trọng.

3.2. Nhận xét và đánh giá khái quát công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Hải Long:

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay và đặc biệt là nước ta đã gia nhập các tổ chức kinh tế quốc tế (như WTO, APEC...), việc hội nhập này đòi hỏi tất cả các doanh nghiệp phải thay đổi cách nhìn nhận về một sân chơi mới và có tính chuyên nghiệp cao. Trước những thách thức và cơ hội này, Công ty TNHH Hải Long đã từng bước khẳng định tính độc lập và tự chủ trong kinh doanh. Công ty đã biết khai thác phát huy, sử dụng có hiệu quả nội lực tiềm năng đem đến từ bên ngoài thu được bằng thắng lợi rõ rệt về mọi mặt:

- Sản xuất kinh doanh có hiệu quả.
- Đảm bảo đời sống cho cán bộ công nhân viên,
- Làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước.
- Sắp xếp, tổ chức lại lực lượng sản xuất.
- Đào tạo và bồi dưỡng cán bộ, công nhân viên có tay nghề cao.

Một doanh nghiệp với đặc điểm nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm nên công tác quản lý, sử dụng và hạch toán nguyên vật liệu có vị trí hết sức quan trọng trong việc nâng cao chất lượng sản phẩm và hiệu quả sản xuất. Qua quá trình nghiên cứu thực tế về công tác quản lý, sử dụng và hạch toán kế toán nguyên vật liệu tại công ty cho thấy công ty có rất nhiều cố gắng trong việc nỗ lực nâng cao chất lượng sản phẩm và hiệu quả sản xuất kinh doanh nhằm đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế thị trường. Song qua thời gian thực tập nghiên cứu tại công ty TNHH Hải Long, em nhận thấy trong công tác quản lý, sử dụng và hạch toán kế toán nguyên vật liệu ở đây đã có những ưu điểm nhưng cũng còn tồn tại một số hạn chế, em xin mạnh dạn đưa ra dưới đây, rất mong công ty tiếp tục phát huy những ưu điểm đồng thời nhanh chóng khắc phục những nhược điểm để hoàn thiện hơn nữa công tác quản lý, sử dụng và hạch toán nguyên vật liệu trong thời gian tới.

3.2.1. Ưu điểm:

Trải qua thời gian tồn tại và phát triển, công ty TNHH Hải Long đã thường xuyên đổi mới phương thức quản lý, đáp ứng yêu cầu không ngừng mở rộng quy mô sản xuất, phát triển mạng lưới chi nhánh bán và giới thiệu sản phẩm, chiếm được lòng tin của khách hàng. Việc xây dựng được cơ cấu quản lý phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty đã phục vụ đắc lực cho quá trình sản xuất, mang lại cho công ty một khoản lợi nhuận đáng kể, góp phần nâng cao đời sống của cán bộ công nhân viên và đóng góp một phần không nhỏ vào ngân sách của Nhà nước.

- Về tổ chức quản lý kinh doanh:

Ngành nghề kinh doanh chính là sản xuất các sản phẩm từ rau câu, thực phẩm chế biến và bao bì, giấy Kraft. Để đáp ứng được nhu cầu của thị trường, công ty đã không ngừng nâng cấp đầu tư dây chuyền công nghệ, thiết bị hiện đại tạo ra những sản phẩm có chất lượng cao, giá cả cạnh tranh. Sản phẩm của công ty được sản xuất ra từ những nguồn nguyên vật liệu tốt trong và ngoài nước, được kiểm nghiệm chất lượng và bảo quản chặt chẽ, sản phẩm làm ra không chỉ hợp lý về giá cả mà còn đảm bảo chất lượng, an toàn đối với người sử dụng.

- Về tổ chức bộ máy quản lý:

Với bộ máy quản lý được tổ chức gọn nhẹ thống nhất từ trên xuống dưới, công ty đã xây dựng quản lý theo hình thức trực tuyến – chức năng và hạch toán phù hợp với yêu cầu của nền kinh tế thị trường, chủ động trong sản xuất kinh doanh, đảm bảo đứng vững trong điều kiện hiện nay. Với mô hình này các phòng ban nghiệp vụ có chức năng tham mưu và giúp việc cho giám đốc hoặc phó giám đốc, trực tiếp phụ trách các vấn đề thuộc chuyên môn nghiệp vụ của mình, đồng thời các phân xưởng bố trí thực hiện nhiệm vụ sản xuất từ công ty đưa xuống đảm bảo số lượng được giao.

- Về tổ chức bộ máy kế toán: Công ty TNHH Hải Long hiện có bộ máy kế toán tổ chức tương đối gọn nhẹ, hoạt động hiệu quả, thực hiện theo đúng chế độ hiện hành, phù hợp với quy mô của công ty theo mô hình trực tuyến chức năng. Với hình thức tổ chức kế toán tập trung, bộ máy kế toán đã phát huy hiệu quả của mình trong việc tăng cường hạch toán phục vụ cho quản lý công tác kế toán nguyên vật liệu. Các

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

nhân viên kế toán phải chịu trách nhiệm trực tiếp trước kế toán trưởng về phần hành của mình, đảm bảo cung cấp thông tin kế toán nhanh chóng kịp thời cho đối tượng sử dụng. Thực hiện đúng theo các chế độ hạch toán kinh tế, nộp thuế và các khoản nộp Ngân sách Nhà nước.

- Về hình thức kế toán, chứng từ, sổ sách:

Hình thức kế toán công ty áp dụng là hình thức Nhật ký chung. Đây là hình thức đơn giản phù hợp với quy mô của doanh nghiệp. Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, đây là phương pháp đang được sử dụng phổ biến ở nước ta. Công ty vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ – BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính. Hiện nay, công ty thực hiện việc lập báo cáo kết quả kinh doanh một năm một lần, song hàng tháng công ty vẫn thực hiện xác định kết quả kinh doanh cho tháng đó và lập báo cáo quản trị để gửi lên ban lãnh đạo công ty để kịp thời theo dõi, đánh giá và có những biện pháp hữu hiệu nhất để có thể tăng doanh thu trong năm tới.

- Về công tác kế toán nguyên vật liệu:

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán nguyên vật liệu, phương pháp này có nhiều ưu điểm vì hàng tồn kho, đặc biệt là nguyên vật liệu luôn được theo dõi, kiểm tra thường xuyên, liên tục, kịp thời, phù hợp với đặc điểm, lĩnh vực sản xuất kinh doanh của một doanh nghiệp sản xuất. Phương pháp hạch toán này đã giúp công ty quản lý, theo dõi kiểm tra nguyên vật liệu chính xác kịp thời hơn. Để hạch toán chi tiết nguyên vật liệu, công ty áp dụng phương pháp thẻ song song. Với phương pháp này giúp cho phòng kế toán có thể theo dõi chặt chẽ từng loại nguyên vật liệu đồng thời việc kiểm tra, đối chiếu các sổ, các chứng từ cũng đơn giản. Các thẻ kho, sổ chi tiết và các loại sổ sách chi tiết khác có liên quan của phương pháp này được công ty mở và ghi chép đúng mẫu, kịp thời và đầy đủ.

- Về công tác quản lý và sử dụng nguyên vật liệu:

❖ Đối với công tác thu mua:

Khâu thu mua vật tư đảm bảo cho sản xuất về số lượng, chất lượng, chủng loại, quy cách, mẫu mã của công ty tương đối tốt. Công ty đã phản ánh tốt việc xử lý vật tư, đảm bảo cung cấp đầy đủ, kịp thời cho sản xuất tránh tình trạng lãng phí hay thiếu vật tư. Vật tư mua vào được nhập kho và phản ánh đầy đủ trên các sổ kế toán. Việc vào sổ sách theo dõi tình hình nhập, xuất vật tư được tiến hành thường xuyên, đầy đủ, số liệu giữa thủ kho và kế toán luôn được đối chiếu, so sánh nên những sai sót đều được phát hiện kịp thời. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được thực hiện trên các sổ tổng hợp liên quan.

❖ Đối với công tác bảo quản:

Với việc xây dựng riêng nhà máy giấy và bao bì, công ty đã tách riêng được kho bảo quản nguyên vật liệu phục vụ sản xuất giấy với nguyên vật liệu phục vụ sản xuất thực phẩm, đảm bảo phù hợp với đặc điểm tính chất lý, hoá của từng loại vật tư, cho nên việc quản lý vật tư ở đây khá tốt đáp ứng cho nhu cầu sản xuất kinh doanh và mỗi kho đều có dấu niêm phong của kho tránh hiện tượng xâm phạm tài sản bên ngoài.

- Về việc phân loại nguyên vật liệu:

Công ty dựa vào bộ chữ số để đánh kí hiệu mã vật tư cho các danh điểm nguyên vật liệu một cách có trình tự. Việc phân loại này rất thuận tiện cho việc quản lý và hạch toán chi tiết nguyên vật liệu. Phương pháp tính giá hàng xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền có ưu điểm là phù hợp với doanh nghiệp có số lần nhập, xuất nhiều do đó giảm nhẹ được việc hạch toán chi tiết nguyên vật liệu không phụ thuộc vào số lần nhập xuất của từng loại nguyên vật liệu.

3.2.2. Nhược điểm:

- Thứ nhất, về việc luân chuyển chứng từ:

Việc luân chuyển chứng từ giữa phòng kinh doanh, phòng kế toán và thủ kho diễn ra thường xuyên, tuy nhiên, giữa các bộ phận, phòng ban này đều không có biên bản giao nhận, dễ xảy ra tình trạng mất mát chứng từ. khi xảy ra mất mát chứng từ

lại không biết quy trách nhiệm cho ai để xử lý, làm cho cán bộ công nhân viên thiếu trách nhiệm, buông lỏng việc quản lý chứng từ.

- **Thứ hai, khâu thu mua và vận chuyển:** Trong quá trình thu mua và vận chuyển của công ty còn để nguyên vật liệu rơi vãi, tuy thủ kho đã có biện pháp quét dọn thu hồi nhưng với đặc điểm dễ rơi vãi thì công việc thu hồi vẫn không thể đảm bảo không có sự thất thoát. Như vậy sẽ dẫn đến lãng phí một lượng đáng kể và làm cho chi phí nguyên vật liệu tăng lên, giá thành sản phẩm tăng lên, làm ảnh hưởng đến lợi nhuận của công ty. Hơn nữa, công ty không thành lập ban kiểm nghiệm vật tư mà chỉ do người được phân công thu mua kiểm tra trước khi mua và thủ kho kiểm tra trước khi nhập kho, do đó vật tư mua về không được kiểm tra tỉ mỉ khách quan về số lượng, chất lượng cũng như về chủng loại. Điều này có thể dẫn đến tình trạng vật tư nhập kho không đảm bảo đúng quy cách phẩm chất.

- **Thứ ba, về việc theo dõi hạch toán phế liệu thu hồi:** tại công ty, phế liệu thu hồi không được làm thủ tục nhập kho. Phế liệu thu hồi được chỉ để vào kho, không được phản ánh trên giấy tờ sổ sách về số lượng cũng như giá trị. Điều đó có thể dẫn đến tình trạng hao hụt, mất mát phế liệu làm thất thoát nguồn thu của công ty.

- **Thứ tư, chưa lập sổ danh điểm vật tư để phục vụ cho việc quản lý vật tư:** Do nguyên vật liệu trong công ty rất đa dạng phong phú nên công ty đã tiến hành phân loại nguyên vật liệu thành:

- Nguyên vật liệu chính
- Nguyên vật liệu phụ
- Nhiên liệu

Mặc dù có sự phân loại này nhưng phòng kế toán không lập sổ danh điểm vật tư.

-**Thứ năm, về công tác sử dụng nguyên vật liệu:** công ty chưa xây dựng hệ thống định mức tiêu hao nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất, điều này dễ dẫn đến tình trạng sử dụng không đúng mục đích, khiến công nhân không chú trọng việc tiết kiệm nguyên vật liệu, gây thất thoát, lãng phí, làm tăng chi phí sản xuất, không kiểm soát được lượng nguyên vật liệu cần thiết đủ để sản xuất.

-**Thứ sáu, về việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** Tại công ty vật tư sử dụng trong quá trình sản xuất có nhiều chủng loại rất phong phú đa dạng. Thêm

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

vào đó giá cả thị trường lại luôn biến động nhưng hiện tại công ty không lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

- *Thứ bảy, về việc ứng dụng phần mềm kế toán:* Mặc dù công ty đã trang bị hệ thống máy tính cho phòng kế toán nhưng chỉ giúp cho phần tính toán đơn thuần còn việc hạch toán chủ yếu vẫn thực hiện thao tác thủ công nên khối lượng công việc mà kế toán phải làm là rất vất vả. Điều này sẽ ảnh hưởng tới tiến độ thực hiện công việc và độ chính xác của số liệu.

3.3. Một số biện pháp góp phần hoàn thiện công tác quản lý, sử dụng kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Hải Long:

Qua những tìm hiểu trên đây về công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH Hải Long đã cho ta thấy ưu, nhược điểm trong việc tổ chức hạch toán kế toán phân hành này. Để nâng cao chất lượng và nhằm hoàn thiện hơn công tác kế toán nguyên vật liệu, em xin đưa ra một số ý kiến sau:

3.3.1. Hoàn thiện công tác luân chuyển chứng từ:

Công ty nên lập sổ giao nhận chứng từ khi luân chuyển chứng từ giữa các phòng ban, bộ phận. Mỗi khi luân chuyển chứng từ thì các bên giao và nhận chứng từ đều phải ký vào sổ. Nếu xảy ra mất mát chứng từ cũng dễ quy trách nhiệm cho đúng người, đúng bộ phận để có biện pháp xử lý. Việc làm này giúp quản lý chặt chẽ các chứng từ của công ty, hơn nữa cũng nâng cao tinh thần trách nhiệm cho cán bộ công nhân viên đối với việc quản lý chứng từ nói riêng và công việc nói chung.

PHIẾU GIAO NHẬN CHỨNG TỪ NHẬP, XUẤT KHO

Từ ngày.....đến ngày.....

Nhóm vật liệu (dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá)	Số lượng chứng từ	Số hiệu chứng từ	Số tiền
1	2	3	4

Ngày.....tháng.....năm.....

Người nhận (ký)

Người giao (ký)

3.3.2. *Khâu thu mua, quản lý và sử dụng nguyên vật liệu:*

- Nâng cao tinh thần trách nhiệm của người thu mua tránh tình trạng rơi vãi nguyên vật liệu, nếu rơi vãi vượt quá định mức cho phép phải tiến hành lập biên bản xử lý, nếu do người lao động thì phải phạt hoặc bắt bồi thường.
- Công ty cần xây dựng đội ngũ cán bộ thu mua nguyên vật liệu tương đối linh hoạt, am hiểu về chất lượng, đặc tính sản phẩm cũng như tình hình giá cả, biến động của thị trường. Bên cạnh đó, công ty nên chọn ký hợp đồng với các nhà cung cấp có mặt hàng chất lượng tốt, giá cả phù hợp, có uy tín trên thị trường. Luôn đảm bảo đúng, đủ về số lượng cũng như quy cách phẩm chất của nguyên vật liệu, giao hàng đúng hẹn và kịp thời để đáp ứng nhu cầu sản xuất của công ty được tiến hành liên tục.
- Lập ban kiểm nghiệm vật tư và biên bản kiểm nghiệm.

Theo nguyên tắc vật tư đưa về trước khi nhập kho cần phải kiểm nghiệm để xác định số lượng, chất lượng và quy cách thực tế của vật tư. Do đó công ty cần phải lập ban kiểm nghiệm vật tư, bao gồm những người chịu trách nhiệm về vật tư trong công ty, trong đó người chịu trách nhiệm chính là thủ kho. Trong quá trình kiểm nghiệm vật tư nhập kho, nếu phát hiện vật liệu thừa, thiếu hoặc sai quy cách phẩm chất, đã ghi trong hợp đồng phải lập biên bản xác định rõ nguyên nhân để tiện xử lý:

Nếu vật tư mua về công ty đã nhập đủ số lượng, chất lượng tốt, đúng quy cách thì Ban kiểm nghiệm vật tư phải lập biên bản xác nhận.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Ví dụ: Kiểm nghiệm sóng Carton 3 lớp mua về nhập kho của công ty TNHH bao bì quốc tế B&B.

Mẫu số: 03 - VT

Theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC

Ngày 14/9/2006 của

Bộ trưởng BTC

BIÊN BẢN KIỂM NGHIỆM VẬT TƯ

Đơn vị: Công ty TNHH Hải Long

Căn cứ vào hoá đơn số: AA/11P 0001258 ngày 16/12/2011 của Công ty TNHH bao bì quốc tế B&B. Ban kiểm nghiệm gồm:

1. Ông Nguyễn Duy Mạnh - Phòng điều hành sản xuất - trưởng ban.
2. Bà Nguyễn Thị Thuý - Phòng KCS - Ủy viên
3. Ông Nguyễn Quang - Thủ kho - Ủy viên.

Đã kiểm nghiệm các loại vật tư sau:

STT	Tên vật tư	ĐVT	Phương thức kiểm nghiệm	Số lượng trên chứng từ	Kết quả kiểm nghiệm			Ghi chú
					Số lượng thực tế	Số lượng đúng phẩm chất, quy cách	Số lượng sai phẩm chất, quy cách	
1.	Sóng Carton 3 lớp	m ²	Đo định lượng	5.950	5.950	5.950	0	

Kết quả kiểm nghiệm: Đúng quy cách, phẩm chất

Trưởng ban
(Đã ký)

Ủy viên
(Đã ký)

Ủy viên
(Đã ký)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

cách có hệ thống và kế hoạch, theo em công ty nên xây dựng hệ thống danh điểm vật tư thống nhất toàn công ty. Sổ danh điểm vật tư là sổ danh mục tập hợp toàn bộ các loại nguyên vật liệu, được theo dõi theo từng loại, từng nhóm, quy cách vật liệu một cách chặt chẽ giúp công tác quản lý và hạch toán nguyên vật liệu ở công ty được thống nhất. Để lập sổ danh điểm vật tư điều quan trọng nhất là phải xây dựng được bộ mã nguyên vật liệu chính xác, đầy đủ không trùng lặp, thuận tiện, hợp lý. Công ty có thể xây dựng bộ mật mã nguyên vật liệu dựa vào các đặc điểm sau:

- Dựa vào các loại nguyên vật liệu.
- Dựa vào các loại nguyên vật liệu trong mỗi loại.
- Dựa vào số thứ tự nguyên vật liệu được xây dựng trên cơ sở số liệu các tài khoản cấp 2 đối với nguyên vật liệu.

Ví dụ:

-Nguyên vật liệu chính: 1521

Sóng Carton: 1521 – SCT

Sóng Carton 3 lớp: 1521 – SCTS3L

Sóng Carton 5 lớp: 1521 – SCTS5L

-Nguyên vật liệu phụ: 1522

Đường kính trắng: 1522 – ĐKT

Đường kính trắng RS: 1522 – ĐKT1

Đường kính trắng Kontum: 1522 – ĐKT2

-Nhiên liệu: 1523

Than: 1523 – T

Than cục: 1523 – TC

Than tấm: 1523 – TT

SỔ DANH ĐIỂM VẬT TƯ

Kí hiệu		Mã số danh điểm	Danh điểm vật tư	Đơn vị tính	Ghi chú
Loại	Nhóm				
1521			Nguyên vật liệu chính		
	1521 - SCT	1521 – SCTS3L	Sóng Carton 3 lớp	m ²	
		1521 – SCTS5L	Sóng Carton 5 lớp	m ²	
	
1522			Nguyên vật liệu phụ		
	1522 - DKT	1522 – ĐKT1	Đường kính trắng RS	Kg	
		1522 – ĐKT2	Đường kính trắng Kontum	Kg	
	
1523			Nhiên liệu		
	1523 - T	1523 - TC	Than cục	Kg	
		1523 - TT	Than tấm	Kg	
	

3.3.5. Sớm xây dựng hệ thống định mức nguyên vật liệu, xác định mức dự trữ tối thiểu và tối đa cho từng loại nguyên vật liệu:

- Phòng kinh doanh cần cân nhắc kỹ các đơn đặt hàng và ước tính số lượng vật tư cần thiết sản xuất sản phẩm trong kỳ, phối hợp với phòng kế toán để sớm xây dựng định mức kỹ thuật phục vụ sản xuất cho từng loại sản phẩm, tránh tình trạng lãng phí nguyên vật liệu làm tăng chi phí sản xuất. Từ đó điều phối hoạt động cung ứng, xuất kho phục vụ sản xuất, tránh tình trạng lãng phí, làm tăng giá thành sản phẩm.

Công ty có thể xây dựng bảng định mức nguyên vật liệu theo những nội dung sau:

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

I) ĐỊNH MỨC NGUYÊN LIỆU:

A – Tỷ lệ phần trăm khối lượng các loại nguyên liệu có trong 1 sản phẩm:

- Nguyên liệu chính
- Nguyên liệu phụ

B – Định mức tỷ lệ hao hụt các loại nguyên liệu trong sản xuất:

II) ĐỊNH MỨC TÊU HAO NĂNG LƯỢNG, NHIÊN LIỆU :

- Mức tiêu hao điện
- Mức tiêu hao than
- Mức tiêu hao nước

III) ĐỊNH MỨC HÓA CHẤT PHỤ TRỢ VÀ VẬT TƯ THAY THẾ.

IV) ĐỊNH MỨC TIỀN CÔNG LAO ĐỘNG TRỰC TIẾP

- Trong nền kinh tế thị trường có sự cạnh tranh khốc liệt như hiện nay, nhiều biến động xảy ra có thể ảnh hưởng tới kế hoạch sản xuất của công ty và ảnh hưởng đến giá thành sản phẩm. Do vậy, nếu công ty không xác định định mức dự trữ nguyên vật liệu thì kết quả sản xuất của công ty có thể bị ngưng trệ làm ảnh hưởng tới kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, nếu công ty dự trữ nguyên vật liệu quá lớn sẽ làm ứ đọng vốn, gây khó khăn trong việc quay vòng vốn của doanh nghiệp và phát sinh các chi phí liên quan. Ngược lại, nếu dự trữ quá ít thì khi nguyên vật liệu trên thị trường khan hiếm hoặc giá cả tăng sẽ làm ảnh hưởng đến chi phí sản xuất kinh doanh của công ty.

Vì vậy, công ty nên xác định mức dự trữ hợp lý để giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm mà vẫn đảm bảo chất lượng sản phẩm và yêu cầu sản xuất khi có yếu tố bất thường xảy ra thông qua báo cáo vật tư theo kế hoạch sản xuất, kinh doanh và báo cáo nghiên cứu thị trường.

3.3.6. Về lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong doanh nghiệp:

Là doanh nghiệp có khối lượng nguyên vật liệu nhiều, nhiều loại mặt hàng có độ nhạy về giá cao, trong khi hiện tại nhà nước phải đối mặt với tình hình lạm phát, giá cả thị trường biến động thường xuyên. Để đảm bảo nguyên tắc thận trọng trong kinh doanh việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là một việc làm hết sức cần thiết.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Tuy nhiên hiện nay Công ty TNHH Hải Long không tiến hành lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Việc lập dự phòng được tiến hành vào cuối niên độ kế toán, trước khi lập báo cáo tài chính.

Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho nhằm bù đắp các khoản thiệt hại thực tế xảy ra do vật tư, sản phẩm, hàng hoá tồn bị giảm giá; đồng thời cũng phản ánh đúng giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho của doanh nghiệp khi lập báo cáo tài chính vào cuối kỳ hạch toán.

Mức dự phòng được tính theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Mức dự phòng} \\ \text{phải trích cho năm} \\ \text{kế hoạch} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số lượng tồn} \\ \text{kho vật liệu} \end{array} \times \left[\begin{array}{l} \text{Giá trị vật liệu} \\ \text{trên sổ kế toán} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Giá trị thực tế trên} \\ \text{thị trường} \end{array} \right]$$

Công ty có thể lập bảng dự phòng giảm giá vật tư theo mẫu sau:

Công ty TNHH Hải Long

Bảng Dự Phòng Giảm Giá Vật Tư

STT	Tên vật tư	Mã vật tư	ĐVT	Số lượng	Đơn giá ghi sổ	Đơn giá thuần có thể thực hiện	Mức chênh lệch	Mức dự phòng
A	B	C	1	2	3	4	5	6
1.	Bột KonJac	BKJ	kg	8.011	218.813	214.250	4.563	36.554.193
2.	Đỗ xanh	ĐX	kg	1.372	20.999	20.450	549	753.228

	Cộng							

Kế toán ghi bút toán lập dự phòng

Nợ TK 632: giá vốn hàng bán

Có TK 159: dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Sang năm sau, nếu số dự phòng mới lớn hơn số đã lập, kế toán trích lập thêm phần chênh lệch :

Nợ TK 632 Số dự phòng

Có TK 159 bổ sung

Trường hợp số dự phòng mới nhỏ hơn số đã lập, kế toán phải hoàn nhập dự phòng:

Nợ TK 159 Số chênh lệch

Có TK 632 nhỏ hơn

3.3.7. Công tác kiểm kê nguyên vật liệu:

Hiện nay công tác kiểm kê nguyên vật liệu tại công ty chỉ được tiến hành một năm một lần, công ty nên tiến hành kiểm kê thường xuyên hơn (một quý một lần). Như vậy sẽ đảm bảo nguyên vật liệu sẽ không bị thất thoát, hoặc nếu thất thoát cũng nhanh chóng tìm ra nguyên nhân để có biện pháp xử lý kịp thời, đảm bảo công tác quản lý nguyên vật liệu được tốt hơn.

3.3.8. Áp dụng công nghệ thông tin vào tổ chức công tác kế toán nói chung và kế toán nguyên vật liệu nói riêng:

Hòa nhập với sự phát triển của công nghệ khoa học kỹ thuật và xu hướng tiên bộ trên toàn thế giới, việc áp dụng công nghệ thông tin trong hạch toán kế toán là hoàn toàn cần thiết. Công ty TNHH Hải Long đã ứng dụng tin học vào việc hạch toán kế toán nhưng chỉ là những tính toán đơn thuần trong Excel, mà chưa sử dụng phần mềm kế toán riêng biệt. Phần mềm kế toán có nhiều ưu việt:

- Thu thập, xử lý thông tin kế toán một cách nhanh chóng.
- Tạo điều kiện cho doanh nghiệp chủ động kiểm soát các thông tin tài chính.
- Chọn lọc thông tin cung cấp cho người sử dụng tùy theo mục đích sử dụng.
- Việc xử lý, trình bày, cung cấp các chỉ tiêu kế toán về hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp là liên tục, có căn cứ, đáp ứng yêu cầu sử dụng của các đối tượng khác nhau.
- Hơn nữa, việc sử dụng phần mềm kế toán có thể giúp giảm bớt nhân lực so với kế toán thủ công mà vẫn đảm bảo chất lượng công việc.

Chính vì những ưu điểm của việc áp dụng phần mềm kế toán máy, theo em công ty nên lựa chọn một chương trình phần mềm kế toán phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của mình. Bên cạnh đó, công ty cần tổ chức các lớp đào tạo, hướng dẫn cho đội ngũ cán bộ kế toán sử dụng thành thạo linh hoạt phần mềm kế toán mà công ty áp dụng. Một số phần mềm khá uy tín mà công ty có thể lựa chọn như:

- Phần mềm kế toán MISA của công ty cổ phần MISA.
- Phần mềm kế toán EFFECT của công ty cổ phần EFFECT.
- Phần mềm kế toán Bravo của công ty cổ phần Bravo.
- Phần mềm kế toán SAS INNOVA của công ty cổ phần SIS Việt Nam.
- Phần mềm kế toán ACMAN của công ty cổ phần ACMAN.

KẾT LUẬN

Qua các phần đã trình bày ở trên, chúng ta có thể khẳng định lại vai trò quan trọng của công tác kế toán nguyên vật liệu trong hầu hết các doanh nghiệp sản xuất. Nó đã giúp cho các đơn vị sản xuất kinh doanh bảo quản tốt nguyên vật liệu, ngăn ngừa tham ô, lãng phí vật liệu làm thiệt hại tài sản của doanh nghiệp, đồng thời góp phần nâng cao việc sử dụng có hiệu quả nguyên vật liệu, không ngừng phấn đấu tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm, tăng tích lũy, tăng tốc độ luân chuyển của vốn.

Từ những bài học thực tế tích lũy được trong thời gian thực tập tốt nghiệp đã giúp em có cơ sở đối chiếu giữa lý luận và thực tiễn để củng cố và bổ sung thêm cho kiến thức lý thuyết được trang bị tại trường, rèn luyện kỹ năng của người cán bộ kế toán.

Những kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty mà bài khóa luận đưa ra tuy còn mang nặng tính lý luận song em mong đó cũng là tài liệu để doanh nghiệp tham khảo phục vụ cho công tác quản lý của doanh nghiệp.

Em xin chân thành cảm ơn Ban lãnh đạo Công ty TNHH Hải Long cũng như các cô, các chị trong phòng kế toán đã hết lòng nhiệt tình giúp đỡ, cung cấp số liệu cho em hoàn thành bài khóa luận này. Em xin gửi lời cảm ơn tới thầy giáo, Thạc sĩ Vũ Hùng Quyết đã trực tiếp hướng dẫn giúp em hoàn thành bài khóa luận này.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng ngày 05/07/2012

Sinh viên

Phạm Thị Hải

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1/ Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 1, quyển 2) ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ -BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính – Nhà xuất bản tài chính năm 2006.
- 2/ Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam.
- 3/ Các chứng từ và sổ sách kế toán năm 2011 của Công ty TNHH Hải Long.
- 4/ Khóa luận của các khóa trước tại thư viện trường Đại học dân lập Hải Phòng.
- 5/ Website: Webketoan.com
- 6/ Website: Tapchiketoan.com